TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

* Hư-sinh ! — *Hoa-Bằng*
* Những ông nghè triều Lê (LIV) — *Ứng-Hòe*
* Quyển Thi-văn Bình-chú (XIII) — *Nguyễn-Văn-Tố*
* Tả-quân Lê-văn-Duyệt (II) — *Nguyễn Triệu*
* Một vài cảm tưởng... — *Bà Lưu-văn-Lợi*
* Cao-đẳng tiểu-học... (Hết) — *Nguyễn Nhân*
* Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, IX) — *Phan khắc-Khoan*
* Gia thế họ Đinh... (Hết) — *Tiên-Đàm*
* Văn-hóa Đông-dương... (V) — *Ứng-Hòe*
* Dịch thơ tây ; Tùy hứng... — *Cách-Chi và Lãng Ngân-Tử*
* Một việc đáng ghi... — *Nhật-Nham*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XXV) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 102**
Thứ năm, 8 Juillet 1943

0$30

HƯ'-SINH!

HOA-BẰNG

MỘT bữa, nhân về chơi quê nhà, tôi có đi thăm một vị lão nho trong làng. Trước cái thân-hình gầy yếu, khí-lực suy-đồi kia, tôi không khỏi ái-ngại cho cụ ấy đang chất trên vai hàng ngót bảy chục tuổi. Khi tiễn tôi ra ngõ, cụ ấy thốt ra mấy lời khiến tôi vô cùng cảm-động và mãi mãi suy nghĩ :

— Tuổi-tác như lão đây thì có làm gì! Sinh vô bổ ư đương thời, tử vô van ư hậu thế (sống không ích cho đương thời, chết không có danh tiếng để lại đời sau).

Thì ra, cụ ấy hàng sáu, bảy mươi nam vất-vưởng ở đời, thấy mình bất lực đủ mọi phương-diện, nên mới tuyên-bố mấy lời bại trận như vậy.

Mấy lời đó tuy là tiếng than của một ông già, suốt đời chẳng đạt được một mục-đích gì, rút cục chỉ ôm bầu tâm-sự, đợi chờ Thần Chết đến thăm, nhưng đó cũng là một câu cảnh cáo chung cho chúng ta, hạng người sinh sau đẻ muộn.

***

Người ngoại-quốc có câu : « Mỗi cậu bé ra đời là có một hy-vọng làm tổng-thống. »

Sách Luận-ngữ có chữ : « Hậu-sinh khả úy » (đáng sợ kẻ sinh sau).

Phải, một khi chúng ta lọt lòng mẹ, oe oe khóc, từ cha mẹ đến mọi người xung-quanh ai cũng gửi vào ta cái hy-vọng, hy-vọng thành kỷ, thành nhân, hy-vọng ích cho nhà, lợi cho nước.

Mà những ai có chí-khí một chút, thường cũng tự nhận lấy cái trách-nhậm của nam-nhi. Cụ Nguyễn-Công-Trứ có câu :

« *Tang bồng hồ thỉ nam-nhi trái,*
« *Cái công danh là cái nợ-nần...* »

Và cụ Trần-Danh-Án cũng có thơ rằng :

« *Nam-nhi bất tác oanh thiên sự,*
« *Hư độ phù-sinh, tử diệc hưu!* »

(Tài trai không làm được việc vang trời, thì sống uổng một đời, rồi chết cũng thôi.)

Dẫu vậy, ý muốn thì nhiều người có, nhưng mấy ai đã làm thực-hiện được cái thủ-đoạn phi thường ?

Cụ Phạm Ngũ-Lão có chí nuốt sao Ngâu (thôn Ngưu), song cụ hơn người ở chỗ thực-hành được ngón thao lược: hai trận phá quân Mông-co, mấy lần đánh dẹp Ai-lao, làm cho thanh-danh con nhà Hồng-Lạc lẫy lừng khắp cõi Đông Á. Cho nên cụ không thẹn mà ngâm :

« *Hoành sóc giang sơn cáp kỷ thu,*
« *Tam quân tì hổ chí thôn Ngưu...* »

(Múa ngang ngọn giáo khắp non sông hàng mấy thu nay, ba quân mạnh như loài gấu cọp, có chí-khí nghiêng trời muốn nuốt trửng cả sao Ngâu...)

Cũng có chí « thôn Ngưu » ấy, nhưng ông Phạm Quý-Thích chỉ làm được một nhà văn, nên đã bùi-ngùi để mấy vần cảm-khái ở đền đức Thánh Ứng (thờ Phạm-Ngũ-Lão thượng-tướng-quân) :

« *Thư-sinh diệc hữu thôn Ngưu chí,*
« *Trù-trướng di ngâm họa bất thành!* »

(Kẻ thư-sinh này cũng có cái chí muốn nuốt sao Ngâu như tướng quân, nhưng không họa nổi vần thơ sót lại của ngài (ý nói không làm nổi sự-nghiệp như ngài), nên không khỏi buồn bã!)

Có chí mà không làm nổi, đó vì tài lực không đủ, thật không đáng trách.

Đáng trách là hạng người sau này :

Sống ở đời, họ không có một mục đích gì cao hết. Họ không có một cuộc đời lý-tưởng, ngoài sự thờ phụng sắc đẹp của nữ-tính. Họ không coi một thứ gì là đáng ham-chuộng, ngoài sự làm tôi đồng tiền, mặc dầu có khi phải quăng bỏ liêm-sỉ, bán rẻ nhân-cách.

Đó là một hạng hư-sinh.

Ngoài ra, lại còn một hạng hư-sinh nữa : họ cho ai cũng là người vô-vị, việc gì cũng là việc không đáng làm, họ cứ ngất ngưởng qua ngày, hững hờ đoạn tháng, để đồng tiền huyết hãn của cha mẹ vợ con vào vòng trời hoa đất rượu, phung phí tuổi giàu sức khỏe vào những cuộc đỏ đen suốt sáng, mây khói thâu canh. Họ sống cốt để tìm những sự thỏa-mãn về vật dục...

***

Một nhà tư-tưởng kia có câu này rất đáng chú ý : « Chúng ta sống ở đời, nếu không làm được chiếc đèn pha để chiếu sáng cho tàu-bè qua lại cửa biển, thì ít ra cũng phải cố làm lấy bó đuốc soi lối cho người đi trong ngõ hẻm tối tăm. »

Lại một nhà học-giả khác có một chủ-trương rất cảm-động : Nếu khi sống, ta đã không có gì làm ích cho đời, thì khi chết, ta cũng không nên làm hao của đời mất vài thước đất!

Giá ai cũng biết nghĩ vậy, chắc ở đời ít hạng hư sinh, mà đám hậu-sinh quả là những kẻ đáng sợ. Trái lại, nếu ta sống không mục-đích, không lý tưởng, hàng 40, 50 tuổi đầu mà vẫn chưa có gì để cho người ta biết đến, thì ai sợ mình mà mình chẳng mang tiếng hư-sinh!

H. B.

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 54

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa tân-sửu, hiệu Hồng-đức thứ 12 (1481), đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ: ba người.

Người đỗ trạng-nguyên là ông Phạm-đôn-Lễ. Ông là người xã Hải trào, huyện Ngự-thiên (nay Hưng-nhân), phủ Tân-hưng (nay Tiên-hưng), tỉnh Sơn-nam (nay Hưng-yên). Ngụ ở làng Thanh-nhàn, huyện Kim-hoa. Năm 27 tuổi đỗ trạng-nguyên khoa tân-sửu (1481). Khoa này, đình-thí, có hỏi về lý-số. Từ thi hương đến thi đình, ông đều đỗ đầu. Ngày vinh qui, vua Lê Thánh-tôn ban cho ngựa tốt để tỏ ý yêu-mến đặc-biệt. Từ khoa sau thành lệ. Tên của tự ông là Ngu-khanh. Làm quan đến tả thị-lang, được tặng hàm thượng-thư. Ông là chú Phạm-nguyên-Chấn (dịch trong *Đỉnh nguyên Phật lục*, sách viết của Bác-cổ số A 1205 tờ 14 a-b, và *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 88 a).

Người đỗ thứ hai, tức bảng-nhỡn, là ông Lưu - hưng - Hiếu, người xã, Lương-hà, huyện Vĩnh-ninh, (Vĩnh-phúc), phủ Thiệu-hóa, trấn Thanh-hóa. Đỗ năm 26 tuổi. Mới làm quan đến chức Hộ-bộ đô-cấp-sự-trung, thi đến năm kỷ-dậu (1489) được thăng Hàn-lâm thị-giảng, coi việc viện Hàn-lâm, được dự vào Tao-đàn, phụng họa thơ vua. Làm quan dần dần thang đến Đông - các đại-học-sĩ. Đến năm canh-thân (1500) hiệu Cảnh-thống đời Lê Hiến-tôn, ông phụng mệnh sung chức chánh-sứ sang nhà Minh tạ về việc sắc phong. Làm quan đến thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, quyển thu-tập hạ, tờ 9 a).

Người đỗ thứ ba, tức thám-hoa, là ông Nguyễn-doãn-Địch, người xã Lạc-dương, ngụ ở làng canh-hoạch, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Làm quan đến tả thị-lang. Là ông nội Nguyễn-Thuyến (*Đăng khoa bị khảo*), quyển Sơn-nam, tờ 34 a).

Khoa tân-sửu (1481) đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân : tám người :

Ngô-văn - Cảnh, người huyện Yên-dũng, phủ Lạng-giang, trấn Kinh-bắc.

Vũ-khắc-Minh, người xã Bình-lăng, huyện Cẩm - giàng, phủ Thượng - hồng, tỉnh Hải - dương. Làm quan đến hiến-sát sứ (*Đăng khoa bị khảo*) quyển Hải-dương, tờ 28 b).

Lưu - ngạn - Quang, người xã Viên-khê, huyện Đông-sơn, phủ Thiệu-thiên, trấn Thanh-hóa. Ngụ ở xã Ngọc-bôi. Đỗ nam 25 tuổi. Làm quan đến tả thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*), quyển Thanh-hóa, tờ 12 b).

Nguyễn - duy - Trinh, người xã Thượng-cát, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Đỗ năm 39 tuổi. Đến nam canh-thân hiệu Cảnh-thống (1500), ông đương làm Hình bộ tả thị-lang, phụng mệnh sung chức chánh sứ sang nhà Minh tạ về việc vua Tàu cho người sang tế vua Lê Thánh-tôn (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn tây, tờ 4 a).

Phạm-Hùng, người xã Đường sơn, huyện Thiên bản, phủ Kiến hưng, trấn Sơn nam. Làm quan đến Hình bộ hữu thị lang, trí sĩ, thọ 78 tuổi (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn nam, tờ 100 a).

Hoàng - bá-Dương, người xã Bối khê, huyện Thanh oai, phủ Ứng thiên, trấn Sơn nam. Mùa đông năm đinh vị (1487), phụng mệnh đi sứ sang nhà Minh tâu về việc cõi đất Chiêm - thành Làm quan đến hữu thị lang. (*Đăng khoa lục* chép làm quan đến phủ doãn Phụng thiên (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn nam, tờ 34 a).

Bùi-sư-Lục, người xã Lại thượng (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 27 a, chép là Lại hạ), huyện Thanh lâm, phủ Nam sách, trấn Sơn nam. Đỗ năm 38 tuổi. Làm quan đến thừa chánh sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn nam, tờ 3 4 a).

Lê đức Thiệu, người xã Hòe lâm, huyện Đường hào, phủ Thượng hồng, trấn Hải dương. Đỗ năm 29 tuổi. Làm quan đến tự khanh (*Đăng khoa bị khảo*, tỉnh Hải dương, tờ 2 b).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

QUYỂN THI VĂN BÌNH CHÚ

Số 13

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

IX. — Nguyễn Khuyến

Quyển *Quốc-triều hương-khoa lục* và quyển *Quốc-triều khoa-bảng lục* có chép lý-lịch cụ Nguyễn Khuyến : tôi dịch ra đây để chữa những chỗ nhầm ở bài ông Ngô Tất-Tố trong quyển *Thi-văn bình-chú*.

Cụ sinh năm ất-mùi, hiệu Minh-mạng thứ 16 (1835), người làng Yên-đổ, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nội, nay là phủ Bình-lục, tỉnh Hà-nam. Năm ba mươi tuổi đỗ giải-nguyên (tức là đỗ đầu cử-nhân, ta thường gọi nôm là thủ-khoa) khoa giáp-tý hiệu Tự-đức thứ 17 (1864). Vào học Quốc-tử-giám trong Huế. Năm 37 tuổi, đỗ nhị-giáp tiến-sĩ xuất-thân khoa tân-mùi hiệu Tự-đức thứ 24 (1871). Cụ là chân giải-nguyên, thi hội đỗ hội-nguyên, thi đình đỗ đình-nguyên, nên thường gọi là cụ Tam-nguyên Yên-đổ (1). Nguyên tên cũ là Nguyễn-Thắng, sau vua cho tên là Khuyến (*Quốc-triều hương-khoa lục*, quyển 3, tờ 75 a, viết chữ nho là : Tứ danh Khuyến). Cụ do hàm Hàn-lâm-viện trực-học-sĩ, lĩnh trức tổng-đốc Tam Tuyên (Sơn-Hưng-Tuyên, tức Sơn-tây, Hưng-hóa và Tuyên-quang), rồi cáo về, dạy học ; mông ơn thăng hàm tham-tri, tại quán (ở nhà). Có tập thơ chữ Hán, gọi là *Quế-sơn thi tập* (bản sao của Trường Bác-cổ số A 469) ; nhân thế biết hiệu cụ là Quế-sơn ; trong tập ấy thỉnh thoảng có bài thơ nôm. Nhiều bài thơ nôm cụ có đặt ra thơ chữ ; muốn biết chép có đúng hay không, nên xem tập thơ ấy. Cụ mất năm 1909, thọ 75 tuổi.

Cụ sinh ra Nguyễn-Quản, đỗ phó-bảng khoa kỷ-sửu, hiệu Thành-thái thứ nhất (1889), làm quan đến tri-phủ Lý-nhân, cáo về. Cụ là tằng-tôn cụ Nguyễn-tông-Mại, đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa bính-thìn hiệu Vĩnh hựu thứ hai nhà Lê (1736), làm quan đến Hàn-lâm-viện đãi chế.

Đấy là nói về hành trạng cụ Nguyễn Khuyến. Còn đến văn thơ của cụ, thì quyển *Thi-văn bình-chú* chép cũng sai. Như bài *Vũng lội làng Ngang* (trang 190), ông Ngô Tất-Tố chép câu thứ nhất là « Đầu làng Ngang có vũng lội », mất hẳn một chữ : trường Bác-cổ có quyển chữ nôm chép là « Đầu làng Ngang có một chỗ lội » (*Quốc âm tùng-ký*, số A B 383, quyển hạ, tờ 100 b). Tôi tưởng câu nôm ấy đúng hơn, vì đủ cả bảy chữ, và chữ « chỗ lội » còn hơn chữ « vũng lội », « chỗ lội » là vũng rồi, hà tất phải đặt chữ « vũng lội » ? Câu thứ năm ông Ngô Tất-Tố chép « Ông Cuội ngồi trên mỉm mép cười », bản nôm của Bác-cổ chép là « Cuội ta ngồi trông mỉm miệng cười ». Câu thứ bảy ông chép « Đàn bà khép nép đứng liền thưa » : chữ « liền » ấy ở bản nôm là chữ « lên » ; tôi tưởng thế mới đúng, vì đàn bà nhà quê lội qua đấy, sợ ông thần phải khép-nép lom-khom ; khi thần hỏi đến, thì phải « đứng lên ».

Bài *Tự trào* (trang 191), ông Ngô Tất-Tố chép câu thứ ba là : « Cờ đương dở cuộc toan lầm nước » : hai chữ « toan lầm » ở quyển *Việt-tùy tham-khảo* (sách Bác-cổ số A B 386, tờ 47 b) chép là « không còn », nghe hay hơn. Có bản nôm chép là « Cơm ăn ba bữa còn lo nước, Bạc đúng tám nguyên đã chạy làng » (*Quốc-văn tùng-ký*, quyển thượng, tờ 54 a).

Bài *Chơi núi An-lão* (trang 194), ông Ngô Tất-Tố chép câu thứ hai là « Núi già nhưng tiếng vẫn là non » : có bản chép là « Tiếng già, nhưng núi vẫn là non », Câu thứ sáu, ông chép là « Nghìn làng trông xuống bé con con » : quyển nôm của Bác-cổ chép là « nghìn nhà » (*Quốc-văn tùng-ký*, số A B 383, tờ 59 b), xét ra phải hơn, vì chữ nho có chữ « thiên gia tính ».

Bài Thu điếu (trang 197), ông Ngô Tất-Tố chép câu thứ hai là « Một chiếc thuyền con bé tẻo teo » : chữ « con » này ở bản, *Quế-sơn thi tập* (số A 469 tờ 7 b) và *Quốc-văn tùng-ký* (quyển thượng, tờ 60 b) đều chép là « câu » ; chính chữ « câu » mới đúng, vì đầu bài là *Thu điếu* (mùa thu nhìn câu) nếu dùng chữ « con » thì không phải dùng chữ « tẻo-teo ». Câu thứ tám, ông Ngô Tất-Tố chép là « Cá đâu đớp-động dưới chân bèo : có lẽ phải đọc là « Cá đâu đớp, động dưới chân bèo ».

Bài *Than già* (trang 198) ông Ngô Tất-Tố chép câu thứ bảy là « Ông ngẫm mình ông thêm ngán nỗi ». Câu thứ hai đã có chữ « Ông ngẫm mình ông, nghĩ cũng hay », thì không có lẽ đến câu thứ bảy lại đặt trùng-kiến như thế, Bản nôm của Bác-cổ *(Quốc văn tùng ký*, số A B 383, tờ 52 b) chép là « Còn một nỗi này thêm chán ngắt ».

Bài *Không chồng trông bóng lòng* (trang 201) bản chữ nôm của Trường Bác cổ (*Việt túy tham khảo*; số A B 386, tờ 9 a b) chép là của cụ hoàng giáp Phạm văn Nghị, làng Tam đăng, tỉnh Nam định, chứ không phải của cụ Yên-đồ : có lẽ phải, vì cụ Yên-đồ không làm lối văn cử-nghiệp như thế.

Bài *Khóc ông Nghè Vân-đình* (trang 207), ông Ngô Tất-Tố chép câu thứ hai là « Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta ». Ở trường Bác cổ có ba bản nôm, cũng có bản chép như thế, nhưng có quyển *Việt túy tham khảo (*số A B 386, tờ 46 b) chép là « Cỏ mây man mác ngùi ngùi lòng ta »: tôi tưởng chữ « cỏ mây » và chữ « ngùi ngùi » mới đúng, vì câu ấy ở bản chữ nho (*Quế sơn thi tập,* số A 469, tờ 33 a) cụ Yên đồ viết là « Vân thụ tâm huyền huyền »: « vân thụ » là « cỏ mây », chứ không phải « nước mây » ; « huyền huyền » là « ngùi ngùi », chứ không phải « ngậm ngùi » : ngậm ngùi với ngùi ngùi, tuy nghĩa giống nhau, nhưng dùng chữ « ngùi ngùi » thì giọng văn hay hơn, mà lại đúng với chữ « huyền huyền ». — Câu thứ sáu, ông Ngô Tất Tố chép là « Trong cơn gặp gỡ biết đâu duyên trời ? » Mấy bản chữ nôm ở Trường Bác cổ đều chép là : « Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên giời » ; tôi cho chữ « khi » chữ « khác » mới đúng, vì duyên gặp gỡ thì không gọi là « cơn » được ; còn chữ « khác » nghe hay hơn chữ « biết ». — Câu thứ bảy, ông Ngô Tất Tố chép là « cũng có lúc chơi nơi dậm khách » : hai chữ « chơi nơi » ở quyển *Việt túy tham khảo* (số A B 386, tờ 46 b) viết là « giong chơi », do câu chữ nho trong *Quế sơn thi tập* (tờ 33 a) là « Hữu thời xuất kinh lộ ». — Câu thứ mười, ông Ngô Tất-Tố chép : Thú vui con hát...» : chữ « thú » ấy có bản viết chữ « kh úc », có bản viết chữ « tiếng », đều hơn chữ « thú ». — Câu 15-16, ông Ngô Tất-Tố chép là « Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn, Phận đầu thăng chẳng dám tham trời ». Chữ « nạn » và chữ « dám » sai vần : vậy chắc không phải của cụ Yên đồ. Quyển *Việt túy tham khảo* chép là « Gặp ách-vận biết đâu cơ số, Phận đầu thăng ai có tham giời ? ». Nguyên câu chữ nho « Ách vận cấu dương cửu, đầu thăng phi tham thiên, nghĩa là vận ách gặp số dương cửu ; dương cửu là số lẻ, số cuối cùng, ví với đời loạn ; cho nên bên nôm đặt là « cơ số », tức là số lẻ. — Câu 17, ông Ngô Tất-Tố chép là « Tôi già, bác cũng già rồi » : nguyên chữ nho « Công lão, dư diệc lão » (*Việt túy tham khảo*, tờ 46 a) thì phải dịch là « Bác già, tôi cũng già rồi » mới đúng : nhiều bản nôm chép chữ « bác » ở trên. — Câu 20, ông Ngô Tất-Tố chép là « Gặp nhau ba năm trước một lần » : các bản nôm đều chép « Trước ba năm gặp bác một lần », nghe gọn gàng hơn và mới đúng vần ; nếu chép như ông Ngô Tất-Tố « Những đi lại tuổi già thêm nhác, Gặp nhau ba năm trước một lần », thì chữ « nhác » với chữ « trước » không đúng vần. — Câu 22, ông Ngô Tất Tố chép : « Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can » : *Việt túy tham khảo* (tờ 47 a) chép là « Mừng thầm », nghe hay hơn. — Câu 25 - 26, ông Ngô

(*Xem tiếp trang 17*)

CÙNG BẠN ĐỌC

Ông Dương Tụ-Quán cần nghỉ ngơi ít lâu, rồi sẽ vào Trung-kỳ Nam-kỳ và sang Cao-mên để cổ-động cho báo, nên công-việc quản-lý trị-sự từ nay tôi đảm nhận cả. Thư từ riêng của ông Quán trong tháng Juillet và Août xin gửi cho ông ấy ở *biệt-thự Đông phú Đồ sơn*, còn thư từ về nhà báo, các bạn cứ để cho tôi ở *95-97 phố Chanceaulme Hanoi*. Xin cảm ơn

NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯỢNG

Tả-quân

Lê Văn-Duyệt

(1763-1832)

Số 2

NGUYỄN TRIỆU

Đến năm Canh-tý (1780) Duyệt đã 17 tuổi, chúa Nguyễn-Ánh lên ngôi vương ở Gia-định, lấy con gái Tổng phú-Khuông làm vợ, nên trong nội-đình cần phải tuyển nhiều hoạn-quan để trông coi công-việc. Bởi Duyệt ẩn-cung, nên lấy vào chân thái-giám trong nội-đình. Một người ngang-tàng như Duyệt mà nay lại bắt ở cùng với bọn quan-thị để hầu mấy người đàn bà thì đâu có phải cái nguyện-vọng của Duyệt. Song Duyệt cũng nhận cái chức ấy, vì nó sẽ là bước đầu để tiến thân.

Nguyễn-vương thấy Duyệt lanh lợi, lấy làm vừa ý lắm, bèn thăng cho lên chức cai-cơ để coi hai đội quân thuộc-nội.

Trong những khi Nguyễn-vương chạy sang Xiêm thì lần nào cũng có Duyệt theo bộ vệ. Số quân lính ta theo sang Xiêm mỗi ngày một đông mà lương thực thì không lấy gì làm túc dụng, lẽ tất nhiên là phải thiếu thốn, đến nỗi từ quan tới lính mỗi ngày chỉ ăn có một bữa, nên vua Nguyễn lấy làm lo buồn vô cùng.

Duyệt thấy người Xiêm thường dùng thuyền độc-mộc đi lại trên sông Cửu-Long, bèn tâu xin vua cho một toán quân vào rừng đốn cây về mà làm thuyền độc-mộc ban cho người Xiêm để lấy tiền nuôi quân-sĩ và tâu xin với vua Xiêm cho phép quân ta đi khai-khẩn những đất bỏ hoang.

Đến năm Mậu-thân (1788), Nguyễn-vương ở Xiêm về, sau khi đã khắc-phục Sài-côn và Gia-định, các tướng-sĩ đều lập được nhiều chiến-công như bọn Tôn-Thất Hội, Võ-Tánh, Nguyễn văn-Thành cùng Tống viết-Phúc, ai cũng đều được giữ chức trọng quyền cao mà Duyệt thì vẫn cứ lẹt đẹt ở chức cai-cơ, với mấy tên quân thuộc-nội.

Có một ngày kia, nhân khi nhàn rỗi, bọn hoạn-quan tụ-họp bàn-tán thời-sự, ôn lại các việc chiến-trận và bình-phẩm về tài thao lược của các tướng nhà Nguyễn. Bọn hoạn-quan tranh nhau ca-tụng Nguyễn văn-Thành và Tống viết-Phúc là những bậc trí dũng kiêm-toàn, không ai sánh kịp... Duyệt ra vẻ bất-bình, cau mặt lại mà nói rằng: *« Dưới con mắt ta, hai người ấy chưa có thể cho là toàn tài được: Phúc chỉ hữu dũng mà vô mưu, còn Thành thì mưu thừa mà dũng thiếu, duy có Tôn-thất Hội là đủ cả trí lẫn dũng, thật là một bậc lương-tướng. Sau này nếu ta được làm tướng thì quyết không chịu thua ông ấy !* » Rồi đang vui chuyện, cao hứng, Duyệt nói tràn cả sang các chuyện bày binh bố trận.... Thình-lình ngay lúc ấy vua Nguyễn đi qua nghe thấy cả, ngài bèn dừng bước, khoan-thai hỏi Duyệt :

— Ngươi có thể cầm quân ra trận được không ?

— Thưa chúa-công, được !

— Vậy ngươi có thể làm tướng được chăng ?

— Bẩm chúa-thượng, được !

Nhà vua tỏ ý khen ngợi, rồi sai Duyệt đi mộ binh theo về cánh Tả-quân sau cho theo đi đánh Qui-nhơn được thăng thuộc-nội vệ-úy, về quân Thành-sách.

Có một lần Duyệt bị sa cơ, quân Tây-sơn bắt được, song thấy Duyệt tướng-mạo bé nhỏ thấp lùn và lại là quan chức nhỏ, nên không để ý đến, Duyệt thừa dịp, trốn được về với vua Nguyễn,

Năm Kỷ-mùi (1799), vua Nguyễn sai Duyệt cùng Tống viết-Phúc đem quân ra án ngữ Bình-đề để chặn đường quân Tây-sơn. Bấy giờ vua nghe báo có mấy vạn quân Tây-sơn kéo vào đánh, Ngài bèn cho trung-sứ ra hỏi tình-hình ra làm sao thì Duyệt cùng Phúc tâu rằng : *« Có hai chúng tôi đây thì « chẳng lẽ gì làm ngại. »* Rồi lại trỏ vào rặng núi trước mặt mà nói thêm rằng : *« Đây là chốn mà hai*

chúng tôi cùng liều sống « thác với quân địch đó ! » Sau trận ấy, quả nhiên thu phục được thành Qui-nhơn.

Cách một năm sau, tháng giêng năm Tân-dậu (Février 1801), vua Nguyễn lại sai quan Trung-quân Nguyễn văn-Trương (1) cùng với Tống phúc-Lương đem quân tiền-đạo đến đánh thủy-trại của Tây-sơn và sai Lê văn-Duyệt cùng Võ Di-Nguy 2) đem thủy-quân vào đánh cửa Thi-nại.

Hôm ấy là 15 tháng giêng trăng tỏ như ban ngày, 500 chiến thuyền nhà Nguyễn thẳng buồm từ Cù-mông sang cửa Thi-nại.

Ở cửa sông lúc bấy giờ có mấy chiếc thuyền chiến lớn nhất của Tây-sơn là « Định-quốc thuyền » bỏ neo chắn ngang ở giữa và có Thủy-sư đô-đốc Võ văn-Dũng coi giữ trung-quân còn Trần quang-Diệu thì đốc-xuất vây hãm thành Bình-định.

Những súng thần-công của Tây-sơn đặt trên các pháo-đài ở núi Tam-toà và hòn Nhạn-châu bấy giờ bắn vang trời như sấm và đạn bay xuống như mưa, thủy-quân nhà Nguyễn hăng-hái cứ tiến. Ông chưởng-thủy (3) là Võ Di-Nguy đứng trên mũi một chiến-thuyền điều-khiển thủy-quân xông vào, bị đạn trúng đầu lăn xuống bể chết.

Hôm ấy là 16 tháng giêng năm Tân-dậu (28 Février 1801).

Khi thấy Đô-đốc Võ Di-Nguy tử trận rồi, Lê văn-Duyệt vẫn cứ dũng-dược thúc quân xông vào đốt phá. Vua Nguyễn ở xa thị chiến, thấy tướng sĩ tử thương nhiều, bèn truyền chỉ dóng chiêng thu quân. Dầu đôi ba phen đã có lệnh-tiến bảo lui, song Duyệt khẳng-khái cho quân đến tâu cùng vua rằng: *« Phải gắng chi cho thành công, vì cơ-nghiệp nhà Nguyễn thành-bại cũng ở trận này ca ! »*

Mặc dầu hao binh tổn tướng, song Lê văn-Duyệt vẫn cứ nỗ lực tung-hoành lấn vào sát cạnh thuyền bên địch, dùng kế hoả công mà đốt, lại nhờ được bấy giờ có gió thuận ào ào thổi đến, lửa cháy lưng chừng giời bao nhiêu thủy-trại Tây-sơn đều cháy tan tành hết. Khi tan trận rồi thì vừa đúng giờ thân (5 giờ chiều). Sử chép cho trận này là một trận *võ công đệ nhất* của nhà Nguyễn từ khi đánh nhau với Tây-sơn. Nguyễn vương vui-sướng vô-cùng, vỗ vai Duyệt mà khen rằng: *« Trận này chẳng kém chi trận Xích-bích đời Hán, nhà ngươi là Chu-Du của ta đó ! »*

Trận Thi-nại tuy đã toàn thắng song hậu-quân Võ-Tánh vẫn còn đang bị khốn trong thành Qui-nhơn, chưa sao giải vây được, và Nguyễn-vương còn phân-vân chưa muốn cất quân ra đánh Phú-xuân. Lê văn-Duyệt bèn tâu rằng: *« Việc binh cần phải mau chóng, mưu-kế cần phải quyết định, nếu cứ đóng quân ở đây mãi, tướng sĩ không có công trận gì, nếu tiến quân ra đánh Phú-xuân thì thành Qui-nhơn không cần đánh cũng phải vỡ ngay, đó là một cách đánh cờ thì xe vậy ! »* Bấy giờ vua Nguyễn mới quả-quyết nghe theo, bèn để tiền-quân Nguyễn văn-Thành ở lại đánh nhau với Võ văn-Dũng và Trần quang-Diệu, còn đại-binh nhà Nguyễn thì kéo thẳng ra đánh Phú-xuân.

Lúc bấy giờ lòng dân đâu đâu cũng mong mỏi chúa Nguyễn, nên mới có câu hát:

Lạy trời cho chóng gió nồm,
Để cho chúa Nguyễn thuận buồm thẳng ra !

(Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU.

(1) Xem Tri-Tân 95, 96. 97.

(2) Xem Tri Tân số 18 trang 19.

(3) Võ Di-Nguy làm chức quản Nội-thủy trung-thủy thuyền khâm- sai thuộc nội cai cơ, thời bấy giờ quen gọi là ông Chưởng thuỷ. Mộ ông nay cũng còn ở gần chợ xã tài, ở ngõ cạnh số nhà (162 đường Paul Blanchy prolongé ở Saigon) và miếu thờ cũng ở cả đấy

Thống chế Pétain đã nói :

« Chúng ta không quản một sự cố gắng nào để cung hiến cho Tổ-Quốc những nam, nữ quốc-dân trong cần-lao và nghĩa vụ mà Tổ-Quốc cần tới. »

Sách mới

Tri-Tân đã nhận được :

1·) *Courbet* (grandes vies, grandes œuvres) của capitaine de vaisseau *Joan* do Direction de l'Instruction publique en Indochine xuất-bản.

Sách giấy 80 trang, in đẹp có cả ảnh ông Courbet.

2·) *Danh-từ khoa-học* (Vocabulaire scientifique) Toán, Lý, Hóa, Cơ, Thiên, Văn của Giáo-sư *Hoàng Xuân Hãn* do Khoa học tùng thư xuất bản.

Sách giấy 190 trang.

Xin giới-thiệu những sách mới và cảm ơn các tác-giả. TRI-TÂN

MỘT VÀI CẢM-TƯỞNG SAU KHI ĐỌC CUỐN

«Phụ-nữ với hôn-nhân»

Bà LƯU VĂN-LỢI viết

UỐN *Phụ nữ với hôn nhân*, là một mục trong *Phụ nữ với cuộc đời* của nhà nữ-sĩ danh-tiếng Ý, bà Gina Lombroso viết, và ông Viên Đình đã dịch, do nhà Đời mới xuất bản.

Dịch bản « Hôn-nhân », ông Viên-Đình mong có thể giúp phụ nữ nước nhà lĩnh-hội được ít nhiều tư-tưởng cao quý của bà Giua Lombroso. Sau khi đọc bản dịch ấy, tôi viết bài này, cũng mong ngỏ được những điều đã lĩnh hội với các bạn gái.

« Tôi viết cho những người đau-khổ », bà Gina đã lấy câu này làm chuẩn-đích, đem kinh nghiệm và sự nhận-xét tinh-tế, để giải quyết cho phụ-nữ, đỡ phải chịu những thảm cảnh thường xảy trong các gia-đình. Tấm lòng thiết-tha bác-ái của nữ-sĩ thực đã khiến cho người đọc phải cảm kích và kính phục.

Trong *Phụ nữ với hôn nhân*, nữ-sĩ phân-tách tâm trạng đàn-bà, tùy từng cảnh ngộ, tùy từng trường-hợp, từ lúc người con gái đang ở thời-kỳ lựa-chọn bạn trăm năm, đến khi hôn nhân đem lại cho họ hoặc cảnh vui-sướng, hoặc nỗi đau khổ.

Bà tả rành-mạch từng chi-tiết nhỏ, có những điều chúng ta không nghĩ đến, tuy đã trải qua, nay cầm [illegible]h đọc, mới thấy được rằng: [illegible] trạng mình đã có lúc thế!

Tôi đã nói với một người bạn [illegible]u này, để tỏ lòng khâm-phục tài xét-đoán tâm-lý của nữ-sĩ: Có những ý-tưởng bà nhắc đến tôi đã thấy mình từng nghĩ, có những trường-hợp bà diễn tả, tôi đã thấy mình trải qua, nhưng nếu không đọc của nữ-sĩ, thì chưa chắc tôi đã hiểu rõ tâm trạng-mình.

Bài này, tôi chỉ xin nói đến ý chính của bản *Phụ nữ với hôn nhân*: Hôn-nhân sẽ đem cho người đàn bà nhiều ích lợi hay nhiều thiệt-hại hơn? Hôn-nhân có đem đến cho họ hạnh-phúc không? Hôn-nhân ở đây gồm có hôn-nhân trường-cửu có pháp-luật và cổ-tục đảm-bảo, hôn-nhân tự-do lấy ái tình làm chủ-đích. Và, vì muốn chỉ rõ sự ích-lợi và thiệt-thòi của phụ-nữ trong hôn-nhân, nữ-sĩ chia đàn bà ra làm hai hạng: Hạng vị-tha có tấm lòng của người từ-mẫu, hạng vị-kỷ, trọng cá nhân, mong hưởng ái-tình.

Hạng đàn-bà vị-tha tức là những bà mẹ hiền vợ thảo ở xứ ta, những người đàn bà phần nhiều đã chịu sự giáo hóa của cổ-tục và nho-giáo, những người suốt đời tận-tụy và hi-sinh, chỉ nghĩ và lo cho những người thân yêu, chứ ít khi nghĩ, lo cho chính mình: vui cái vui của người khác, buồn cái buồn của người khác, ở địa vị nào, yên phận ở địa-vị ấy, không kêu-ca, không đòi-hỏi, không ham-muốn.

Hạng đàn-bà trọng cá-nhân, mong hưởng ái-tình, tức là hạng vị-kỷ: chỉ nghĩ đến quyền-lợi riêng, hạnh-phúc riêng. Họ không muốn có bổn-phận ràng-buộc và suốt đời chỉ muốn thỏa-mãn về vật-chất. Họ lầm lẫn ái-tình với dục-tình, và chủ-trương thuyết tự-do kết-hôn.

Đối với đàn bà, hôn-nhân đưa cho họ những thiệt-thòi này: họ không thể rời bỏ gia-đình, một khi gia-đình làm cho họ phải đau khổ, hoặc vì người chồng phụ-bạc, hoặc vì người chồng xử với họ tàn-nhẫn, hoặc vì người chồng không phải là người họ mơ-ước.

Nhưng họ sẽ được những ích-lợi này: người chồng khi đã chán ghét họ, không thể ly-dị để lấy một người vợ khác, con cái họ được pháp-luật nhận là chính-thức, và trong trường-hợp nào, người chồng cũng có trách-nhiệm phải nuôi nấng dạy-dỗ. con cái, đảm-bảo sinh-kế của vợ. Nhờ có hôn-nhân, họ được vì-nể ngoài xã-hội, và giữ một địa-vị quan-trọng trong gia-đình, về quyền-lợi, họ được pháp-luật và tôn-giáo bênh-vực.

Như thế thì, đem cân nhắc, hôn nhân đã cho người đàn bà vị tha cái lợi nhiều hơn cái hại. Họ chỉ đau-khổ khi gặp phải người chồng tệ bạc, nhưng họ sẽ được hoàn-toàn sung sướng, khi gặp được người chồng xứng-đáng, tử-tế. Hôn-nhân đảm-bảo cho họ cái sống sum-họp và quyền-lợi trong gia-đình. Hơn nữa, người đàn bà vị tha, vốn đầy lòng tốt, sẵn-sàng chịu đựng mọi đau-khổ, chỉ cầu được người khác biết ơn cho mình, thế là đủ vui lòng rồi. Vả, trên mọi đau-khổ, họ còn cái tự-hào là được làm mẹ, và sung-sướng đến vô-cùng, được nhận lòng yêu quý kính mến của bầy con yêu-dấu.

Nhưng, với hạng đàn bà vị kỷ, không cần suy tính, ta cũng thấy

hôn-nhân trường-cửu không đem đến cho họ một thỏa-mãn, một ích-lợi gì! Vì hôn-nhân trường-cửu tức là gia-đình, mà có gia-đình thì phải có bổn-phận. Họ lại không muốn gì, ngoài cái muốn được tự-do, để thỏa mãn ham-muốn và dục-vọng. Con cái sẽ làm vướng bận họ, bổn-phận người vợ sẽ làm khó chịu họ. Bởi thế, nên họ phản đối hôn-nhân trường-cửu và tán thành hôn-nhân tự-do.

Về tự-do kết hôn, bà Gina chỉ cho ta thấy cái lợi và cái hại sau đây: Trong tự-do hôn-nhân, người đàn bà chỉ có cái lợi là có thể ly-dị với chồng, bất cứ lúc nào, khi người chồng tệ-bạc, hay khi họ chán ghét chồng. Nhưng họ sẽ phải khổ-sở vô-cùng, khi còn thiết-tha yêu chồng, mà bị người chồng chán ghét ruồng bỏ, mà cũng không phải chịu một trách-nhiệm gì về cách sinh-sống của họ và con cái đã có với nhau. Họ sẽ làm thế nào, để nuôi-nấng con cái, đảm-bảo tương-lai con cái và chính mình họ, một khi mất chỗ nương-dựa ở người đàn ông? Pháp luật tôn-giáo cũng không che-chở, bênh-vực họ, bởi vì họ đã không chịu một bổn-phận, một nhiệm vụ gì, trong gia-đình, trong xã-hội. Chẳng những thế, họ lại còn có tội vì hôn-nhân tự-do làm đảo lộn trật-tự xã-hội, gây nên những cảnh hỗn-độn, khổ-sở.

Người đàn ông, bản-tính vốn hay thay-đổi, tỉ như con bướm truyền cành, mà người đàn bà không phải là một đồ sứ có thể đem đổi-chác lâu năm mà không hư hại gì. Càng già với thời-gian, người đàn bà càng giảm giá-trị đi, vì thế đàn ông thường chóng chán ghét hơn đàn bà, và số đông đàn bà, tuy thèm khát tự-do hôn-nhân, không muốn vướng mình trong phận-sự, nhưng vẫn thích yên thân, không muốn có sự đổi thay, dầu trong tình yêu hay trong cảnh ngộ.

Tóm lại, tự-do hôn-nhân không ích gì cho đàn-bà cả. Ta có thể nói rằng nó làm mất giá-trị cao quý của đàn bà, trong nhiệm vụ làm mẹ, làm vợ, nó làm lẫn người đàn bà cơ-chỉ làm ăn với hạng gái giang-hồ đàng-điếm, nó làm hư hỏng những cô gái mới nhớn, khiến họ không còn biết trọng trinh-tiết và không lo trau giồi đức-hạnh. Hơn thế nữa, trước mắt nam-giới, nó khiến cho người đàn bà sẽ không quý giá gì hơn, một vật họ sở-thích, một bản đàn du-dương, một bức tranh đẹp, một pho tượng quý, có thế thôi!

Vậy thì phụ-nữ chúng ta phải nên tán-thành bên nào? Hôn-nhân tự do? hay hôn-nhân trường-cửu?

Xem cái lợi, cái hại kể trên, hẳn chúng ta không thể nào tán thành thuyết tự-do kết hôn, tuy rằng hôn-nhân trường-cửu, không cho chúng ta được hoàn toàn vừa ý. Nhưng làm thế nào? Bà Gina đã cân-nhắc và đã nói: Không thể tìm một lời giải làm vừa ý cho tất cả phụ-nữ, và vào bất cứ thời-kỳ nào trong đời họ. Ta phải vui lòng nhận lấy lời giải-thích, hợp hơn hết cho những thời-kỳ lâu thay đổi nhất trong đời người, cho những người đàn bà giữ chức-vụ hữu-ích nhất, quan-hệ nhất trong xã-hội.

Theo ý nữ-sĩ, trong khi chưa tìm được sự giải-quyết nào khác hơn, chúng ta hãy cứ theo lối nào ít hại nhất, tức là lối kết hôn có pháp-luật và cổ-tục đảm-bảo.

Vả, theo thiển ý, chúng ta nên vì ích-lợi của xã hội, vui lòng và tự hào nhận lấy công-việc cao quý này: giữ-gìn nòi giống, cai-quản gia đình, nuôi nấng che-chở con cái.

Chúng ta chỉ cần có một điều, là người đàn ông biết công ơn cho ta, trong những nỗi khó khăn, những giờ đau khổ mà ta đã cố-gắng vượt qua, chịu đựng để cho tròn phận-sự khó nhất vì phải chịu tất cả mọi cái thiệt-thòi.

Nhất là ở xứ ta, một xứ trọng nam khinh nữ chúng ta lại càng cần được pháp luật và cổ-tục bênh-vực, cho chúng ta một nền giáo-dục chắc-chắn để chúng ta có đủ tâm lực và tri-tưởng làm tròn phận-sự của người mẹ và người vợ — phận-sự cần nhiều đến đức-tính khó theo nhất là sự hi sinh.

Nguyện-vọng chung của phụ nữ, — đúng như nữ-sĩ Gina Lombroso đã viết — chỉ cần một lời an-ủi, một cử-chỉ ân cần, một chút lòng biết ơn, và riêng cho phụ-nữ xứ ta: một cách xử-sự công-bằng. Như thế thì người đàn-bà sẽ đỡ được nhiều đau-khổ, và sẵn lòng chịu tất cả mọi thiệt thòi trong hôn-nhân.

Bà LƯU-VĂN-LỢI

Sắp có bán

QUÊ HƯƠNG

NGUYỄN TUÂN

Gần 500 trang. — Ấn loát công phu. Bản thường: 4$50. Bản quí: 20$

Anh Hoa

69-Rue du Charbon-Hanoi

Thư và tiền đề tên

ô. Mai-văn-Phúc

VAN-ĐỀ « HỌC »

CAO-ĐẲNG TIỂU-HỌC

và Trung học Đông-dương

(*Tiếp theo*) NGUYỄN NHÂN

Còn đối với C. Đ. T. H. Đông-dương, nên hay không nên bắt chước sự cải-cách của người Pháp? Tôi sẽ trả lời câu hỏi đó trong đoạn dưới bài này.

Vì, muốn so-sánh trung-học Pháp và trung-học Đông-dương, tôi không thể không nói đến một sự cải-cách tối quan-trọng, có thể nói là một cuộc « cách-mệnh » trong lịch-sử giáo-dục xứ này : đó là sự lập ra ngành trung-học cổ-điển Á-đông (enseignement classique extrême-oriental).

Nghị-định 5 mai 1942 lập ra ngành học này trong ba trường trung-học Bảo-hộ ở Hanoi, Khải-định ở Huế và Petrus Ký ở Saigon. Bắt đầu vụ khai-trường năm 1942 đã mở *lớp 6 cổ-điển Á-đông* (sixième classique extrême-oriental) ; rồi mỗi năm sẽ dần dần có lớp 5, lớp 4, lớp 3, lớp 2, lớp 1. Hết lớp này, thi tú-tài tây phần thứ nhất, thì đáng lẽ phải thi *latin-grec*, ta sẽ thi một bài hán-văn.

Nghị-định 2 septembre 1942 đã ấn-định rõ-ràng chương-trình học của ngành cổ-điển Á-đông.

Ta thử so-sánh hai ngành cổ-điển của người Pháp và của ta xem khác nhau ra sao.

Hai lớp 6 và 5 cổ-điển Pháp mỗi tuần-lễ có 5 giờ ruỗi học *latin* ; hai lớp 4 A và 3 A có 4 giờ *latin*, 3 giờ *grec* ; hai lớp 2 A và 1 A có 3 giờ *latin*, 3 giờ *grec*.

Trong ngành cổ-điển Á-đông, mỗi tuần-lễ để 5 giờ cho môn hán-văn.

Riêng về môn sử-ký, hai lớp 6 và 5 cổ-điển Á-đông mỗi tuần có thêm 1 giờ học quốc-sử.

Còn về Pháp-sử, địa-dư, toán-pháp, khoa-học, v. v... đều theo đúng chương-trình mới của trung-học Pháp.

Ta có thể nói rằng : trung-học cổ-điển Á-đông rập theo trung-học cổ-điển Pháp, chỉ khác một đằng học *latin-grec*, một đằng học hán-văn thôi.

Số 5 giờ hán-văn ấy học những gì, bản chương-trình đính theo nghị-định 2 septembre 1942 có nói rất tường-tận (xem *Công-báo Đông-dương* số 71 ngày 5 septembre 1942 ; tôi xin trích đăng phụ-lục dưới bài này để độc-giả tiện kê-cứu).

Tóm lại, nền học đệ-nhị-cấp của ta bây giờ tổ-chức ra sao ? Bốn năm cao-đẳng tiểu-học và 3 năm trung-học Đông-dương, bảy năm ấy tức là ngành cận-đại của người Pháp. Còn ngành cổ-điển Á-đông cũng rập theo kiểu-mẫu ngành cổ-điển Pháp.

Ba trường trung-học Bảo-hộ, Khải-Định và Petrus Ký, ngoài ngành cổ-điển Á-đông, lại còn có cả ngành cổ-điển Pháp nữa ; đó là một điều ít người biết đến, vì không ai ngờ rằng ngay trong những trường hoàn-toàn an-nam lại có những lớp dạy *latin* cho những đứa trẻ an-nam mới qua khỏi bậc tiểu-học. Theo nghị-định 31 août 1941, từ vụ khai-trường năm 1941, ba trường trung-học kể trên và trường Sisowath ở Pnom-Penh đều mở một lớp 6A, theo đúng chương trình trung-học cổ-điển Pháp.

Vừa đúng một năm sau, từ vụ khai-trường năm 1942, ta thấy xuất-hiện những lớp 6 cổ điển Á-đông. Người ta đã đi từ thái-cực này đến thái-cực nọ.

Ngành cổ-điển Á-đông đã rập theo ngành cổ-điển Pháp, thì nên hay không nên làm cho ngành cận-đại Đông-dương cũng rập theo ngành cận-đại Pháp ?

Tôi tán-thành sự nên có một ngành cận-đại thống-nhất và đầy đủ trong các trường trung-học Đông-dương, theo đúng chương-trình ngành cận-đại của người Pháp, có thêm những giờ quốc-sử, quốc văn và địa-dư bản-xứ.

Hiện nay trong ngành cổ-điển Á-đông, hai lớp 6 và 5 mỗi tuần đã có 1 giờ quốc-sử, thêm vào số 4 giờ của người Pháp. Tôi xin tăng lên thêm một năm nữa, nghĩa là ở ba lớp 6, 5 và 4, cận-đại cũng như cổ-điển, đều có mỗi tuần 1 giờ học quốc-sử và chút ít sơ-lược về lịch-sử Trung-hoa. Còn ở lớp 3, cận-đại cũng như cổ-điển, nên có 2 giờ địa dư, 1 giờ theo đúng chương-trình của người Pháp (tức là học địa dư nước Pháp) và 1 giờ để riêng học địa-dư Đông-dương.

Trong ngành cận-đại của người Pháp, hai lớp 6 và 5 mỗi tuần có 4 giờ sinh-ngữ ; những lớp trên có 6 giờ.

Trong ngành cận đại của ta, ở hai lớp 6 và 5 ta sẽ chia số

4 giờ ấy một nửa cho Việt-văn, một nửa cho sinh-ngữ ngoại-quốc như Anh-văn chẳng hạn. Nhưng ở những lớp trên, nên để 4 giờ học Anh-văn, còn 2 giờ học Việt-văn thôi.

Tóm lại, nền trung-học của ta nên có đủ hai ngành cận-đại và cổ-điển Á đông; mỗi ngành cũng chia ra hai bậc; hết bậc nhất cũng phải qua một kỳ thi, có đỗ mới được lên bậc nhì, đúng như chế độ trung học của người Pháp.

Trong Tri-Tân số 98, tôi đã nói đến thể-lệ thi vào trường trung-học: phải đã đỗ tiểu-học cả phần pháp-văn hai năm trước năm thi, hai năm ấy dù học lớp dự-bị pháp-văn trường công, trường tư hay học lấy đều được cả.

Nhưng chính trong trường trung-học cũng nên đặt thêm một năm dự-bị nữa. Đỗ kỳ thi vào học rồi, phải qua một năm dự-bị ấy, mới được lên lớp 6 cận-đại Đông-dương hay cổ-điển Á-đông.

Quả thế, vào lớp 6 trung-học cần phải khá Pháp-văn lắm mới được; ngay từ lớp này đã phải học Anh-văn (cận-đại) hay Hán-văn (cổ-điển); Nếu không khá Pháp-văn, nếu phải để cho môn học này một số giờ quá nhiều, thì còn đâu thì-giờ học Anh-văn hay Hán-văn nữa?

Nên có một ngành trung-học cận-đại thống-nhất và đầy đủ như của người Pháp, không phải nghĩa là nên bỏ hẳn bậc cao-đẳng tiểu-học đâu.

Ta vẫn giữ bậc học ấy nhưng sẽ cho nó một phương-châm, một chương-trình khác hẳn bây giờ.

Cứ như bây giờ C. Đ. T. H. có hai mục-đích: đào-tạo hạng trung-lưu trong xã-hội và dự-bị lên ngành học cao hơn.

Hiện nay, học-sinh an-nam vẫn thường theo con đường này: học đỗ C. Đ. T. H. rồi thì học một hai năm nữa để thi tú-tài.

C. Đ. T. H. mới sẽ không phải để cho những người có ý muốn học đến lấy bằng tú-tài; muốn thế thì vào thẳng ngay ban trung-học, để học Anh-văn hay Hán-văn từ lớp 6.

C. Đ. T. H. mới sẽ chỉ có mục-đích ban-bố một sức học phổ-thông tàm-tạm đủ bằng Pháp-văn cho những người sẽ phải tìm kế sinh-nhai sau mấy năm học hay sẽ vào các trường chuyên-môn như trường kỹ-nghệ, trường thương-mại, trường canh-nông, v.v.

C. Đ. T. H. bây giờ có 4 năm.

C. Đ. T. H. mới sẽ có 3 năm thôi. Nó không có Anh-văn; về Hán-văn chỉ học một số những thành-ngữ thông-dụng trong quốc-văn. Về Pháp-văn, loại bớt những cái gì có tính-cách văn-chương thuần-túy, nghĩa là không cần đọc nhiều tác-phẩm văn-chương như trong chương-trình C. Đ. T. H. hiện-thời. Về toán-pháp, khoa-học, sử-ký, địa-dư, không nên giữ tính-cách uyên-bác (encyclopédique) như bây giờ.

Tóm lại C. Đ. T. H. mới sẽ có một chương-trình nhẹ hẳn đi.

Cũng có thi vào năm thứ nhất, và thể-lệ thi cũng giống như thể-lệ vào trường trung-học.

Đấy, đại-khái, nếu muốn cải-cách nền học độ-nhị-cấp của ta, thì thiết-tưởng nên cải-cách như thế: một ban C. Đ. T. H. 3 năm hoàn-toàn Đông-dương; một ban trung-học 8 năm rập theo khuôn-mẫu trung-học Pháp, có gia-giảm ít nhiều, chia ra hai ngành: cận-đại Đông-dương và cổ-điển Á-đông.

(*Xem tiếp trang 23*)

NGUYỄN NHÂN

MUỐN BIẾT:

TIỂU-SỬ CỦA DANH-NHÂN NAM-KỲ

Khoa Võ:

Đỗ thanh Nhân, Châu văn-Tiếp, Võ-Tánh, Ng.-huỳnh Đức, Lê-v-Duyệt. Ng.-văn Thành, Ng.-văn-Thoại, Trương tấn-Bửu, Dương-công-Trừng

Khoa Văn:

Võ trường Toản, Ngô-tùng Châu, Ngô nhân-Tịnh, Lê-quang-Định, Trịnh-hoài-Đức, Phan-thanh Giản, Thủ-khoa Nghĩa, Đỗ Chiểu, Trương-vĩnh-Ký, Huỳnh mẫn-Đạt, Cử Trị, Tôn-thọ-Tường, Học Lạc

MUỐN BIẾT:

SỰ TÍCH MẠC-CỬU KHAI THÁC HÀ-TIÊN,

Hãy đọc « **Nam-kỳ danh-nhân** »

Quyển sách này đã được Sở Tuyên-Truyền công nhận là hữu ích về phương diện lịch sử và khuyến khích.

Soạn-giả: ĐÀO-VĂN-HỘI

Tri-phủ Secrétaire de Province — à Soctrang

Sách dày gần 300 trương, bán 3$00 (cước 0$40).

Mua sỉ từ 10 quyển đến 20 quyển, huê-hồng 10%.

— trên 20 quyển, — 20%.

Sách in có hạng, mua mau kẻo hết

Nhị nương

Đã bi thiết lại càng thêm bi thiết!
Đôi mắt lệ rưng rưng, dõi trông miền đế khuyết
Thần tử đây, liễu yếu phận bèo mây,
Bên Lệnh-bà khuya sớm, nghĩa chân tay,
Nguyền khăng khít cho trọn niềm tôi chúa!

Hoàng phi

Nhưng em hỡi, ra chi đời góa bụa;
Tự ngai vàng rơi xuống cảnh gian truân:
Sầu muôn năm nghiệp đổ với nhà tan;
Còn bận đến lòng em thêm não nuột!...

Nhị nương

Đời muôn vẻ, mà đạo trung đành chỉ một;
Xin Lệnh-bà đừng suy nghĩ quá xa xôi:
Còn vừng dương còn mãi nghĩa vua tôi!
Thôi ta quyết trở về Kinh-bắc cũ:
Bên Thần đẳng, Lệnh-bà, ngôi Hậu chủ...
Còn tôi trung thì còn mãi giang-sơn;
Điện đài chi; sương gió sẽ phai sờn...
— Đâu tin tưởng, đấy giang san và Tổ-quốc;
Tổ-quốc ngự trong lòng người mến nước;
Tổ-quốc là hy-vọng ở thần dân;
Tổ-quốc là... không chỉ có đại cân triều chính vẫn uy nghi, trong tấm lòng Hưng-phục;
Ng yêu nước chấp gian lao và khổ nhục...

Phạm thái

u lệnh bà:
anh-xuyên-Hầu đã mất
Nhưng nước nhà còn lắm bực kiên trung;
Không, vừng ô thẳm chưa đời đời lịm tắt,
Thì Lê-triều còn hy vọng với non sông...
Giờ Quang-ngọc còn ở xa xôi nơi Kinh-bắc,
Mà Trương-quân lâm mệnh giữa non lam;
Tiện tướng đã sẵn sàng chu tất...
Để đưa thi hài người về tới trấn Sơn-nam.
Xin lệnh bà hãy nán chờ trong ít nữa.
Ngày hưng phục là ngày mai rực rỡ:
Vừng hồng tươi chỉ lặn khuất ở sau cây,
Chờ đêm qua, rồi sẽ thắm hây hây..
Xin bái biệt,
Lệnh bà hãy nguôi sầu, quên bi thiết...

(Phạm thái đi)

ÂM NHẠC: văn thiên tường

Bà Hoàng phi

Quên sao được cô đơn sầu quạnh quẽ!
Quên sao được, trong bao năm buồn cách rẽ!
Quên làm sao... thù chung ấy hờn riêng;
Quên làm sao... núi ngả lại sông nghiêng!
Quên sao được chí hiên ngang và dũng liệt;
Quên sao được một giống nòi anh kiệt:
Quên làm sao điện các rất nguy nga;
Quên sao đành gấm ngọc ái ân xa!
Sao quên được, em ơi, dòng máu hận...
Lửa oan khốc đương dâng cao từng trận,
Mà dòng xưa giếng cũ đã khô vơi;

Kịch dài bằng thơ

Phạm-Thái

Viết theo « Tiêu-sơn tráng-sĩ » tiểu thuyết của Khái-Hưng

Số 9 PHAN-KHẮC-KHOAN

Mà non sông buồn thẳm khắp nơi nơi;
Mà xứ Lạng riêng đây hồn nghĩa sĩ...
Tủi hưng phế, gió sầu vang rên rỉ...
Mà một vương phi
Và một nữ nhi,
Nơi mịt mờ sông núi, bước lưu ly,
Buồn trơ vơ than khóc cảnh suy vi...

Hoàng phi:

Hiền muội ơi,
Thoảng nghe qua rung rạo bấy nhiêu lời;
Chao! nhi nữ mà anh hùng biết mấy!
Trong giây phút, giờ đây ta nhận thấy
Lòng em là tất cả mộn Giang-sơn:
Tấm kiên trung dũng cảm chẳng phai sờn!
Xin vái nguyện
Cho non nước rồi đây còn vĩnh viễn...
Còn... chị đành cam kiếp vị vong nhân;
Thân mọn hèn, không thao lược, chẳng kinh luân;
Việc hệ trọng bang gia xin gửi lại...
Gượng một kiếp sống thừa... rồi đây... khi chiếc nhạn về nam, qua bắc ải...
Tấm trung trinh vờn theo áng trầm hương,
Lễ cung nghinh tục trực sẵn bên đường,
Quì trên cát, đón thi hài Tiên-đế...
Thế là hết! xon một đời nhạt tẻ
Cho trọn niềm... chung thủy với người xưa:
Nghĩa vợ chồng và hơn thế: đạo tôi vua;
Rồi kết liễu kiếp trần bằng... giải thoát!
— Ôi, phù thế: giấc mộng mờ trong bụt cát!
Gấm vàng tan,
Gấm vàng tan, điện các cũng tiêu tan:
Tơ nhân duyên, ngưng đứt, lỗi giây đàn;
Thuyền cơ nghiệp, nửa vời, nghiêng gãy lái!
Dầu chăng nữa, tiền oan mà tục trái;
Nhưng, trời ơi, quả kiếp khéo đa đoan!
Ôi hồng nhan, hồng nhan:
Mệnh trời từ xưa định với phàm gian;
Hồng nhan! hồng nhan:
Cùng đồng chung số phận với giang san
Hồng nhan:
Áng tơ vương phai sợi đỉnh non ngàn;
Hơi gió thoảng...
Và điện chớp ven giời, tia nhấp nhoáng..

Nhị nương:

Lệnh bà ơi, man mác mối u tình:
Nhưng xin tạm nguôi quên,
Ngày mai đây, tôi, chúa sẽ đăng trình
Về lối cũ...

Hoàng phi

Trời! xứ Lạng bốn bề mây ủ rũ!
Não nùng thay cảnh sắc chốn biên cương:
Màu rêu cây nhuốm mãi vết sầu thương...
Ôi xứ Lạng!
Nơi hận tủi ngàn năm tràn lênh láng;
Nơi bao lâu nương tựa tấm thân ta;
Nơi... ngày nay đành, thôi hết! phải rời xa!
Rời xa mãi! không còn khi tái ngộ!

(Còn nữa)

PHAN-KHẮC-KHOAN

Đón xem: **Phạm-Thai**

Viết dựa theo « Tiêu-Sơn Tráng-Sĩ » của Khái Hưng. MỘT CÔNG TRÌNH TRANG NGHIÊM VÀ VĨ ĐẠI. Những vần thơ rất say sưa hùng hồn và mãnh liệt (những quan niệm đặc biệt trong nghệ thuật viết và diễn kịch thơ để đánh dấu thêm MỘT KỶ NGUYÊN MỚI trong văn-nghệ nước nhà.

Kịch dài ba lớp bằng thơ

(bản in trong sách khác với bản đăng ở « Tri-Tân tạp chí »)

của **PHAN KHẮC-KHOAN** tác giả

1· TRẦN CAN, LÝ
2· CHIÊU HOÀNG
những vở kịch dài đầu tiên bằng thơ trong thi giới Việt-nam, đã diễn gần 20 lần ở Hà-nội và các nơi khác.

3· **XA XA**
thơ mùa biển, những hương vị của hè tươi sóng lam, cát trắng. Một tập Dường-thi Việt-nam, tập thơ mà thể tài đơn giản khác tất cả những tập thơ đã từng có xưa nay trong thi giới Việt 2$00 (sắp hết).

4· **HƯ VÔ**
dịch thơ của OMAR KHAYYAM; bậc thi hào dị kỳ nhất thế giới hơn 70 tuổi-mới làm thơ sau khi đã nổi tiếng là một nhà bác học đại tài. Những bài thơ sâu sắc hơn thơ Dường, trầm hùng hơn thơ của Gxthe và Horace (1$00 sắp hết).

VIỆN SÁCH QUÊ HƯƠNG
HANOI THANHOA
HUẾ VINH

Tổng phát hành ở Bắc kỳ: Tri-Tân 95-97 Chanceaulme Hanoi
Ở Trung và Nam kỳ: Quốc Hoa Thư quán Thanhoa Phố Lớn

Kể từ nay, phàm các thư từ báo chí xin gửi về số 95-97 Chanceaulme, Hanoi, là trụ sở thống-nhất của bản chí và nhà in Tri-Tân.

Ty trị-sự kính cáo

GIA THẾ HỌ ĐINH

Ở HÀM-GIANG

Số 3

TIÊN-ĐÀM

Niên-hiệu Chính-hòa, năm Ất-sửu (1685), tháng năm, mồng bốn, Đinh văn-Tả mất ở dinh trên kinh-đô, thọ 84 tuổi.

Vua Lê Hy-Tôn (1676-1704) và chúa Trịnh Dương-vương thân tới viếng thăm, ban riêng cho 6000 quan tiền, 100 nén bạc, 50 tấm đoạn tơ; lại sai Lễ-bộ về nguyên-quán hộ tang chôn cất theo lễ Vương-giả (1), ban thụy là Võ-dũng, hằng nam xuân thu vua lại phái quan địa-phương tới từ-đường tế một lần và cho phối hưởng ở chính miếu của nhà Lê.

Đinh văn-Tả trí dũng kiêm toàn, lấy công đánh dẹp mà nổi tiếng (có câu « đánh giặc họ Đinh »), trải thờ sáu triều, ngôi ở thượng-tể, uy-vọng, huân-liệt, phúc lộc vẹn-toàn, đời người ít được như thế. Thời bấy giờ thường đem ví với ông Quách Phần Dương đời Đường.

Niên-hiệu Vĩnh-thọ, năm Tân-sửu (1661), vua Lê ban châu thư ngự bút bốn chữ đại tự: « Trí dũng minh trung »; niên-hiệu Chính-hoà, năm Quý-hợi (1683), vua Lê lại ban châu thư ngự bút sáu chữ đại tự: « Sinh phong thượng đẳng đại vương », đều treo ở đền thờ.

Chúa Trịnh Khang-vương (Trịnh Căn) cho đôi câu đối rằng:

Tiết việt quyền long triều
túc tướng,
« Phiên hoàn trách trọng quốc
nguyên huân.»

Và chúa Trịnh Dương-vương (Trịnh Tạc) cho đôi câu đối nữa:

« Long bút sinh phong, đĩnh dị
ngân đăng hàn Bắc-đẩu;
« Hổ yêu đới ấn, chung linh
ngọc dịch tiết Nam-thiên.»

Đinh văn-Tả có hai vợ, bà chính thất là con gái nhỏ quan Trạng-nguyên họ Phạm, người làng An-lạc huyện Thanh-lâm (Văn-lâm ?) và bà thứ thất cũng là cháu gái quan Trạng-nguyên ấy. Cô cháu cùng cưới một ngày. Bà chính thất được ba giai, một gái; bà thứ thất một giai, hai gái. Con giai con rể đều phong quận-công. Một con gái gả cho Tiến-sĩ ở An-quảng; một con gái gả cho Tiến-sĩ ở Đan-tràng (2).

***

Con giai cả Đinh văn-Tả húy là VỸ, có nhiều học thức, tinh-thông thao lược, làm đến Đại-vương Đồng-đức công-thần, Thái-phó Hiền quận-công (3).

***

Con giai nhớn Hiền quận-công húy là CỐNG, đỗ bác-cử, làm quan đến Đặc-tiến phụ quốc thượng tướng-quân, gia phong Thái-bảo dực vận công-thần tước Hưng-thái công.

***

Con giai cả Hưng-thái công húy là BÁI, đỗ bác-cử, làm quan đến Thiếu-bảo đô-đốc, tặng Dực-vận công-thần Thái tể Vọng quận-công.

***

Con giai thứ hai Vọng quận-công húy là PHỤC đỗ bác-cử, làm quan đến Đặc-tiến phụ quốc thượng-tướng-quân, gia tặng Tuyền-lực công thần đại-tư-không Phác-trung công.

***

Con cả Phác-trung công, húy là NHẠ-HÀNH, quan đến hầu-tước. Sau theo vua Chiêu-thống chạy sang Tàu, mưu việc khôi-phục, nhưng việc không thành, tặng Tòng vong, Tỉnh nạn công-thần Thái-bảo Hàm-xuyên công.

Về tiểu-sử Đinh Nhạ-Hành (4), chúng tôi xin phác qua đây vì có quan-hệ đến quốc-sử hồi Lê mạt:

Nhạ-Hành lúc thiếu thời vốn theo nghề văn, sau thấy trong nước gặp hồi loạn, mới bỏ văn theo võ, chẳng bao lâu làm quan thăng đến chức án-trấn đất Hưng-hóa.

Tháng năm, năm Bính ngọ (1786), Nguyễn Hữu-Chỉnh đem binh Tây-sơn ra Bắc-hà, kinh thành Thăng-long rối-loạn. Các hạt về Sơn-tây, Hưng-hóa đều có giặc nổi lên mưu việc lấy tỉnh-thành Hưng-hóa dâng cho Nguyễn Hữu-Chỉnh. Quan Trấn thủ Hưng-hóa là Thừa-trung-hầu nghe tin, bỏ trốn. Đinh Nhạ-Hành một mình đứng ra lấy lời-trung nghĩa khuyến khích quân dân, thắng quân giặc mà giữ vững được thành Hưng-hóa.

Nguyễn Huệ nghe danh, lấy sắc-mệnh vua Lê triệu ông; ông từ không đến, nói thác là giặc cướp chưa yên.

Khi quân Tây-sơn rút về Nam, Nhạ-Hành mới về Thăng-long triều yết vua Lê, được thăng Hải-dương hiệp trấn.

Bấy giờ vua Chiêu-thống vì thấy chúa Trịnh lăng bức, sai sứ vào Nghệ-an triệu Nguyễn Hữu-Chỉnh ra giúp và một mặt triệu Liễu-

trung công (Đinh Tích-Nhưỡng, cũng trong họ Đinh) và Đinh Nhạ-Hành đem quân về triều.

Liễu-trung công ghét Chỉnh, thác bệnh, không đi: chỉ một mình Đinh Nhạ-Hành đem quân về kinh-đô mà thôi.

Chỉnh ra Bắc, đuổi được Trịnh Bồng. Vua Lê phong làm Bằng-trung công. Chỉnh nắm hết quyền binh trong tay, các quan đều sợ; duy có Nhạ-Hành chỉ biết tôn Lê, nên Nguyễn Hữu-Chỉnh cũng phải nể.

Tháng mười, năm Đinh-vỵ (1787), tướng Tây-sơn là Vũ văn-Nhậm đem quân ra Bắc. Nhạ-Hành đóng quân ở Vũ-Xuyên (Ý-yên), cầm-cự với Tây-sơn nhớn nhỏ hơn ba mươi trận. Về sau, kinh-thành thất thủ, Nhạ-Hành phải lui quân về Ngự-thiên (tức là huyện Hưng-nhân).

Vua Chiêu-thống ngự tại Hải-dương, sai sứ triệu Nhạ-Hành đem quân hộ-vệ. Nhạ-Hành dâng thư xin đóng ở Tiên-lữ để lo việc khôi phục kinh-thành; nhà vua ưng cho và phong Nhạ-Hành chức Đại tướng-quân, tước quận-công.

Vì tướng Hoàng-Viết-Tuyển chỉ huy quân thủy nhà Lê bị tướng Tây-sơn là Vũ văn-Nhậm đánh phá; vua Chiêu-thống phải cưỡi thuyền con chạy chốn. Nhạ-Hành đang đóng đồn bộ quân, nghe vua lâm nạn, liền chèo thuyền đi tìm và xin rước ngự-giá về Đông. Nhưng Hoàng-Viết-Tuyển xin rước vua về Thanh hóa.

Khi về đến cửa Thân-phù, Hoàng-Viết-Tuyển xuống hàng Tây-sơn, lại bị giết. Vua Chiêu-Thống được tin, vội kéo ra đóng ở Nam-sách và Kinh-môn.

Nhạ-Hành từ ngoài biển trốn về sông Ngũ-mạn, gặp bộ tướng thua binh ở Ngự-thiên, liền cùng nhau kéo về Đông để khởi xướng cần vương, cùng quân Tây-sơn giao chiến, thanh-thế lừng lẫy.

Vua Chiêu-thống lánh sang Kinh-bắc, được tin thắng trận, sai sứ phủ-dụ Nhạ-hành. Ông tiếp lời dụ, liền theo sứ đến Phượng-nhỡn bái kiến.

Vua cầm tay Hành, ứa nước mắt nói rằng:

— Trẫm bị Hoàng-Viết-Tuyển làm lỡ việc suýt nữa không trông thấy mặt khanh; nay Trẫm đã sai Trần Danh-Án sang cầu cứu nhà Thanh, khanh về ngay chiêu dụ quân dân cho kịp ngày khởi sự.

Ông trở về Đông, đem lời trung-nghĩa khuyến-khích tướng-sĩ, ai cũng cảm-động vui theo, nhưng ra quân không lợi, bị thua đã nhiều phen, ông khóc bảo các tướng rằng:

— Mưu sự ở người thành sự ở trời. Trời đã không phù trợ nhà Lê, ta biết làm sao cho được!

Về sau thấy được mấy trận, ông đem binh tiến đánh vào sông Bạch-đằng, nhưng đại-quân lại bị tan vỡ.

Người em ông là Thận-Vũ khuyên nên kéo binh về quê để mưu toan cách khác; ông khóc nói:

— Từ khi trong nước rối-loạn đã bao phen khởi nghĩa cũng chẳng thành công, còn mặt nào về đến quê nhà trông thấy ai nữa!

Ông bèn kéo quân ra Vạn-ninh khởi nghĩa, thanh-thế ngày lại lừng lẫy. Vua Chiêu-thống ở Lạng-giang, sai sứ gia phong cho ông làm Đông-đạo thống-lĩnh thủy-bộ chư dinh Bình-khấu đại tướng-quân và ủy cho việc sang Khâm-châu đón quân nhà Thanh.

Sau lại đem binh về Hàm-giang để hộ-vệ kinh-sư. Vì thấy Tôn-sĩ-Nghị không động binh, ông lấy làm nghi-hoặc thường đến thúc-giục, nhưng Sĩ-Nghị chỉ giùng-giằng bảo thong-thả sẽ đánh.

Còn vua Chiêu-thống và các quan thì chỉ lo việc phục thù, báo oán; ông nhiều phen dâng sớ can ngăn, nhà vua không để ý.

Triều đình nghị công hành thưởng, gia phong Nhạ-Hành là Tĩnh-nạn công thần, Thái bảo Hàm-xuyên công kiêm lĩnh Sơn-nam trấn-thủ ăn lộc một huyện Nan-châu. Ông từ chức trấn-thủ, xin ở lại đánh giặc; vua không nghe, ông bất đắc dĩ phải vâng lời.

Hai ba phen ông dâng sớ thúc-giục việc ra quân, vua Chiêu-thống đều không nghe; ông tức-giận, ngửa mặt lên giời mà than rằng

— Chao ôi! muôn cay nghìn đắng mới được ngày nay, mà bây giờ như thế thì thôi còn gì!

Vua sai người triệu ông vào cung an-ủi, rồi nghị kế ra quân, nhưng lại bị Tôn-sĩ-Nghị thác là quân-sĩ đánh dẹp lâu ngày nay đến tháng chạp, sắp tết, cho về nghỉ mùa xuân lại nhập ngũ. Ông Hành cũng phải cho quân lính tan về, thủ-hạ còn hơn 1000 người lui về đóng ở Nam-xương.

Mùa xuân, năm Kỷ-dậu Nguyễn-Huệ (Quang-trung) đem quân ra Bắc, phá quân nhà Thanh, kinh thành thất thủ, vua Chiêu-thống chạy sang Kinh-bắc, rồi chốn sang Tàu. Nhạ-Hành họp binh thuyền kháng cự, nhưng thế cô cũng phải thu thập gia-quyến trốn theo.

Rồi ở đất Tàu bị quan nh[illegible] Thanh, đánh lừa róc tóc an n[illegible] theo lối tàu và an-sáp ở To[illegible] châu, bao nỗi đắng cay khổ sở

(Xem tiếp trang [illegible])

VĂN HÓA ĐÔNG DƯƠNG

Số 5

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NƯỚC Chiêm-thành dựng lên ở phía đông bờ biển Đông-dương vào thế kỷ thứ hai sau Thiên-Chúa. Cùng hồi ấy có một nước cũng theo văn-hóa Ấn-độ dựng lên ở phía nam Đông-dương : bia chữ phạm gọi nước ấy là nước « vua núi », sách Tàu thì gọi là nước Phù-nam. Vào k oảng đầu thế kỷ thứ ba, bờ coi nước ấy rộng lớn thêm lên, thành một đế quốc, bá chủ cả phía nam và phía giữa Đông dương. Các nhà làm sử Tàu chép truyện nước ấy, khen là nước cường thịnh dã theo văn-hóa Ấn-độ, mà triều đình thì sùng thượng đạo Ấn độ (hindouisme) rồi lại sùng thượng đạo Phật.

Những di-tích mà biết đích là của nước Phù-nam, thì hiện nay chỉ còn có ba tấm bia bằng chữ phạm ; nhờ có ba tấm bia ấy mới biết lời người Tàu chép là đúng. Hai tấm Vishnu, tức đạo Ấn-độ, tìm thấy ở Nam kỳ và phía cực nam đất Cao miên ; còn một tấm nữa là bia Phật, tìm thấy ở Bati, tức là phía nam thành Nam-vang (Phnom Penh). Ba cái bia ấy khắc vào thế kỷ thứ năm và đầu thế kỷ thứ sáu.

Ở phía nam và phía giữa nước Cao miên bây giờ, người ta còn thấy nhiều lâu đài xây rớc Đế thiên Đế thích ngkor) ; những vùng ấy là ang tâm điểm của nước Phù am ngày xưa, nhưng không ai dám quả quyết rằng những lâu đài ấy xây từ ngày còn nước Phù nam. Đến nghề chạm trổ cũng thế, không có cái dấu tích nào là đích thực của nước Phù nam ; nhưng cứ xem những kiểu cũ về lối xây dựng và lối chạm trổ của người Cao miên ngày xưa, thì cũng có thể tưởng tượng được cái mỹ thuật của nước Phù nam là thế nào.

Nội những nước phụ dưng của nước Phù nam, có nước Cao miên ở miền trung lưu sông Cửu long. Vào giữa thế kỷ thứ sáu, vua Cao miên, tên là Bhavavarman, đòi quyền tự trị, rồi dần dần lấn gần hết nước Phù nam. Ấy nước Cao miên dựng lên ở khu vực hạ lưu sông Cửu long bắt đầu từ bấy giờ. Đích là tổ chính tông của người Cao miên bây giờ, xây rất nhiều đền đài bằng đá.

Người Cao miên ngày xưa thế nào ? Ở đâu đến ? Sau trở nên thế nào ? Có dính dáng gì với người Cao miên bây giờ không ?

Giả nhời những câu ấy không khó gì, vì những đền đài ở Cao miên có khắc những tấm bia, vừa chữ phạm (là chữ của người Ấn độ đem văn hóa đến), vừa chữ bản thổ, tức là chữ Cao miên : chữ Cao miên ấy không khác gì chữ Cao miên bây giờ, giả đem ví với chữ Pháp, thì chữ Pháp bây giờ còn khác với chữ Pháp ngày xưa nhiều lắm (như chữ chép trong tập *Chanson de Roland*).

Vậy thế thì nếu triều đình và quí phái của nước Cao miên ngày xưa thực là dòng giống Ấn độ chăng nữa, bọn quần chúng vẫn là giống Cao miên bây giờ, có khác thì chỉ khác ở chỗ ngày xưa ít lai Tàu, bây giờ lai nhiều hơn. Ta có thể nói quả quyết rằng : người Cao miên đời xưa chính là tổ tiên người Cao miên bây giờ : chính họ đã xây ra những đền đài mà người Cao miên cho là thần thánh làm ra.

Xét về phương-diện nhân-chủng, thì chỉ biết rằng tiếng nói của dân Cao-miên giống tiếng nói của dân Môn cùng những dân ở dẫy núi Trung-kỳ và Diến-điện.

Nhưng người Cao miên đến ở đất Cao miên từ bao giờ ?

Chỉ biết đến trước người Cao miên là những dân thuộc giống lùn da đen (négritos) và giống Mã lai (Indonésien), vì hiện còn một vài dấu vết làm bằng cớ.

Còn người Cao miên đến ở đất Cao miên từ bao giờ, thì không biết ; nhưng có thể biết

Sách giá trị

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

của PHAN VĂN HÙM
Giá 2$80

THI HÀO TAGORE

của NGUYỄN VĂN HAI
Giá 4$80

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT
29, LAMBLOT — Hànoi

đại khái rằng trong đám dân Phù nam ngày xưa phần nhiều là dân Cao miên, mà chính dân Cao miên chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn-độ từ đầu thế kỷ thứ nhất.

Kế tiếp Phù nam, Cao miên được đóng vai hệ trọng trong lịch sử Đông dương. Về thời kỳ thứ nhất, tức là từ giữa thế kỷ thứ sáu đến cuối thế kỷ thứ bảy, người Cao miên xây nhiều tháp bằng gạch, giống giống kiểu tháp Chiêm thành. Những tháp ấy, như tháp Sambor-Prei Kuk, tháp Phnom Bayang, phần nhiều ở phía giữa và phía nam Cao miên bây giờ. Những pho tượng bà la môn và pho tượng Phật cùng những lối điêm xuyết xét ra còn giống kiểu Ấn độ, chưa biến thành kiểu riêng của Cao miên.

Có một hồi loạn lạc đến một thế kỷ, nước Cao miên phải chịu dưới quyền nước Chà-và (Java), rồi có một ông vua Cao miên về dòng dõi đời vua trước, tên là Jayavarman II (802-854), lấy lại quyền độc lập. Vào đầu thế kỷ thứ chín ông vua này làm cho trong nước được thống nhất, rồi dời đô đến ở phía bắc biển hồ (tức Phnom Kulên, Rolûos) gần lâu đài Đế thiên Đế thích (Angkor). Cái lâu đài này, gọi tênlà Angkor, xây vào đời vua thứ ba, tên là Yaçovarman (889-910), mà trung tâm điểm là đồi Phnom Bakhèng; chứ không phải là lâu đài Angkor hiện nay còn dựng (lược dịch bài G. Cœdès, *Les Civilisations de l'Indochine*).

(*Còn nữa*)

Ưng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Quyển Thi văn Bình chú

(*Tiếp theo trang 5*)

Tất-Tố chép là « Sao mà bác vội về ngay? Chợt nghe tôi những chân tay rụng-rời »: *Quốc-văn tùng-ký* (quyển hạ, tờ 87 a) chép là « Ai ngờ bác đã về ngay? Chợt nghe tôi luống chân tay rụng-rời ». — Câu 31, ông Ngô Tất-Tố chép là: « Thư muốn viết, đắn-đo không viết »: các bản nôm chép là: « Câu thơ nghĩ đắn-đo không viết », do câu chữ nho « Hữu thi vị thùy tả » trong *Quế-sơn thi tập* (tờ 33 b): đây là bài thơ (thi), không phải cái thư gửi đi. — Câu 35-36, ông Ngô Tất-Tố chép là « Bác chẳng ở, dẫu van chẳng ở. Tôi tuy thương lấy nhớ làm thương »: hai câu ấy do chữ nho « Công kỷ khí dư khứ, Dư diệc bất công liên » (*Quế-sơn thi tập*, tờ 33 b), nghĩa là ông đã bỏ tôi ông đi, thì tôi cũng chẳng thương ông; quyển *Việt-túy tham-khảo* (tờ 47 a) chép là « Tôi có thương cũng chớ nên thương », mới đúng vào chữ nho và mới hợp vào câu kết là « Tuổi già hạt lệ như sương, Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa-chan? »

(*Còn nữa*)

Ưng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

(1) Có sách quốc-ngữ chép cụ Nguyễn Khuyến « thi đỗ tam nguyên », do chữ nho trong *Quốc triều hương-khoa lục* (quyển 3, tờ 75 a) là « tân mùi khoa nhị giáp, tam nguyên », nghĩa là « đỗ đầu nhị-giáp khoa tân-mùi, và khoa này đỗ giải-nguyên, gọi là tam nguyên » Vì câu này chép vào dưới chỗ giả-nguyên, nên bên chữ nho viết tắt như thế; nếu chấm câu không rành thì nhầm là có kỳ thi tam-nguyên.

Sổ lạc quyên sùng tu phần mộ cụ Thủ-khoa Nghĩa

(*Do Hội Khuyến Học Cantho tổ chức*)

Số 3

Quí ông:	Trần Kim Lý	
	Công ty điện khí... Giang Nghét	1$00
	Công ty điện khí... Trần-văn-Nhứt	1.00
	Đông pháp ngân hàng... Blanchet	20.00
	Đông pháp ngân hàng... Nguyễn Hân	10.00
	Đông pháp ngân hàng.. Bùi-hữu-Hạnh	3.00
	Đông pháp ngân hàng... Nguyễn-văn-Thơ	1.00
	Đông pháp ngân hàng... Nguyễn-văn-Thơm	5 00
	Đông pháp ngân hàng... Bùi-công-Hợi	5.00
	Đông pháp ngân hàng.. Nguyễn-hữu-Lạc	1.00
	Đông pháp ngân hàng... Nguyễn-văn-An	3.00
	Đông pháp ngân hàng... Nguyễn-văn-Lành	3.00
	Đông pháp ngân hàng... Nguyễn-tan-Giao	3 00
	Đông pháp ngân hàng... Tô-Thêm	1.00
	Sở thương chánh... Phan-văn-Cần	2 00
	Sở thương chánh... Hồ-văn-Đắc	2 00
	Sở thương chánh... Lê văn-Đỏ	3.00
	Sở thương chánh...	1.00
	cộng chung...	65 00
	sổ trước...	398.00
	cả thảy..	463.00

(*Còn nữa*)

Khoa bảng lục, quyển 1, tổng số dòng 4 và 5, có câu: « Nội chính-bảng trúng tam-nguyên tam viên...; nội hội, đình, song-nguyên ngũ viên », nghĩa là trong chính bảng đỗ tam nguyên: ba ông...; thi hội, thi đình đỗ song-nguyên: năm ông. Như thế thi tam-nguyên là có cả kỳ thi hương nếu chỉ đỗ đầu hai kỳ thi tiến sĩ thì gọi là song-nguyên.

DỊCH THƠ TÂY

CẢNH CÔ-ĐƠN

(L'ISOLEMENT, của Lamartine)

Đôi khi đỉnh núi, về chiều,
Dưới vòm cỗ thụ buồn thiu ta ngồi;
Phiếm trông cảnh nội đồi dời,
Dưới chân trăm bức, thợ giời điểm tô.

Chỗ này giòng nước quanh co,
Sóng reo trắng xóa, hẹn hò đằng xa;
Đằng kia hồ phẳng lặng tờ,
Sao hôm lấp lánh, từ từ lên mây.

Ngọn đồi trùm phủ rừng cây,
Giáng chiều còn sot và giày tơ vàng;
Chúa đêm vừa ngự xe sương,
Lửng lơ giạng trắng một phương chân giời.

Chuông đâu vang tiếng bên tai,
Một hồi cảnh tỉnh ngân dài trong không;
Hành nhân dừng bước giữa đồng,
Tiếng thừa chập tối sen trong tiếng vàng.

Mắt nhìn, lòng chỉ dửng dưng,
Cảnh kia dù đẹp chẳng từng cảm mê;
Có hồn lạnh lẽo đi về,
Ánh dương thôi có ấm gì cõi ma!

Trông vời đồi núi xa xa,
Hết đông đến bắc, nam qua sang đoài:
Bốn phương sương lạnh ngất giời,
Thôi đành hạnh phúc biết nơi nào tìm.

Lầu son, gác tía êm đềm,
Mà lòng ta chỉ thấy đêm lạnh lùng;
Đẹp thay cảnh vắng núi rừng
Thiếu người tiên hóa cảnh hoang tiêu điều.

Ngày trôi, rồi sớm lại chiều,
Dửng dưng, ta chỉ trôi theo tháng ngày;
Mặc giời trong đục vần xoay,
Thân này còn đợi đời này nữa chi!

Vừng dương dù cỗng ta đi,
Chẳng qua chỉ thấy xanh dì cỏ khâu;
Dưới giời ta thiết gì đâu,
Xanh kia thăm thẳm, ta cầu ước chi!

Ngoài vòng giời, có họa khi,
Rẽ mây họa có lối về thiên thai,
Mà ta chút được trần hài,
May ra mở mắt thấy người chiêm bao.

Rồi lòng được phỉ sở cầu,
Cùng bao hạnh phúc, cùng bao hẹn hò,
Lại còn giấc mộng nghìn thu
Tiếng trần không biết gọi cho là gì,

Ước gì mọc cánh bay đi,
Đi tìm cái mộng vô vi ngoài giời,
Cõi trần vương vít bao thôi.
Bụi hồng chi để đục vùi thân trong.

Lá rừng khi rụng xuống đồng
Gió chiều nổi giậy đùng đùng đem đi,
Lá vàng ta có khác chi
Đem ta đi với, hỡi dì gió giông!

CACH-CHI

TÙY HỨNG

Cảm hoài

Thế sự du-du nại lão hà!
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca!
Thời lai đồ điểu thành công dị,
Sự khứ anh-hùng ẩm hận đa!
Trí chủ hữu hoài phù địa trục,
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà.
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,
Kỷ độ long tuyền đới nguyệt ma...

ĐẶNG-DUNG

Dịch nghĩa

Già tình sao đây, cái sự đời?
Giời cao, đất thấp, chén đầy, vơi!
Cơn may, chú lái nên công dễ;
Việc lỡ anh-hùng nuốt giận thôi!
Giúp chúa toan quay vòng trái đất,
Rửa binh khôn kéo nước sông giời.
Thù chung chưa giả, đầu sao bạc!
Gươm những soi giăng, liếc lại mài!

LÃNG-NGÂN-TƯ

Gia thế họ Đinh...

(*Tiếp theo trang 15*)

Khi vua Chiêu-thống mất ở Tàu, ông Hành cùng các quan tùng vong làm lễ ninh lăng ở đấy. Tấm thân lưu lạc ai cũng đau lòng nước cũ vua xưa, có người đến khóc ra máu.

Hết tang, Nhạ-Hành lại cùng các quan mưu việc đem hài cốt về nước, nhưng vua nhà Thanh không cho.

Mùa xuân, năm Quý-hợi (1803), ông Hành được tin vua Gia-long nhất thống Nam Bắc, bèn cùng bọn Lê Quỳnh làm đơn yêu thỉnh như trước, nhưng vua nhà Thanh vẫn không cho, bảo chờ xứ An-nam đến cầu phong sẽ hay.

Tháng bảy, năm ấy, Nhạ-Hành bị bệnh nặng, mê hẳn đi, năm ngày mới tỉnh, lấy giấy bút rồi viết cho Lê Quỳnh bức thư sau đây:

« Biết nhau từ thuở đề chỏm, trải bao ý hợp tâm đầu. Khi nước mất nhà tan, bước bôn-ba lại cùng nhau tụ-họp, còn gì may hơn nữa!

« Nay kẻ thù nước đã bị tiêu-diệt, chính là cơ-hội có thể làm nên, rắp mong cùng Hiền-hầu cố sức lo-toan để báo ơn nước cũ. Chẳng ngờ con Tạo trớ-trêu, bệnh đâu kéo đến, trăm năm thân thể, đến thế là thôi! Cổ nhân có câu: « Ra quân chưa thắng thân đã thác, luống để anh-hùng lệ chứa-chan »: chính là cảnh ngày nay vậy.

« Chỉ mong Hiền-hầu trên nghĩ ơn nước, dưới nghĩ tình bạn, đã gặp dịp tốt, kịp tính mưu cao; Hành này dẫu hồn xuống suối vàng, cũng không oán hận...»

« Khi sắp mất, Nhạ-Hành có bài tuyệt bút rằng:

Vô năng, thiềm xuất tướng môn lai,
Nhất kiếm tri-khu đáo Bắc đài,
Thù quốc vị vong, hồn tảo khứ,
Quy gia hữu tín, quỷ tiên thôi!
Danh tùy phương xứ lưu tàn sử,
Cốt nhập u-minh hóa kiếp hôi.
Nhất ngữ mạc cùng thiên cổ hận,
Tổng chi bất cập Triệu-Hồ tài!»

Dịch:

Thẹn mình cửa tướng lại không tài!
Giong-ruổi sang Tàu: chiếc kiếm côi.
Nợ nước chưa đền, hồn vội giã,
Tin nhà còn dợi, quỷ tranh lôi!
Sử xanh, hay dở, danh còn đấy.
Đất đỏ, nông sâu, cốt cũng vùi.
Sánh với Triệu-Hồ đành chịu kém,
Hận này khôn giãi một đôi lời...

Ông thọ 53 tuổi. Vua nhà Thanh ban cho đồ khâm-liệm, các quan tùng vong và bạn hữu ai cũng thương xót. Tính ra ông Hành theo vua Chiêu-thống ở Tàu 14 năm.

Sau con ông rước di hài ông theo ngọc-cốt vua Chiêu-thống về táng tại bản-quán. Vua Gia-long giáng chỉ ban cho tiền tuất rất hậu. Đến đời Tự-đức lại sai quan địa-phương sửa sang phần mộ cho ông.

***

Tính ra họ Đinh từ Thạch-quốc công Đinh-Đàm theo vua Thái-Tổ nhà Lê khởi nghĩa Lam-sơn đến Hàm-xuyên công Đinh Nhạ-Hành theo vua Chiêu-thống chạy sang Tàu, các đời (5) tiếp nhau có ngoài 375 năm, công danh sự nghiệp vẻ vang ở sử sách, thật là một vong-tộc ở nước Nam này vậy.

(Hết)

TIÊN-ĐÀM

1) Lăng ở làng Hàm giang xứ Mả Cả, gồm cả hai vị phu nhân hợp táng thần bài bày trong miếu ở gần đấy phụng tế.

Trong họ Đinh truyền rằng: mộ ông Đinh văn Ta cùng hai phu nhân chôn liền ở xứ Mả Cả, nguyên xưa là mộ đất có phong phần cả. Đến đời Tây sơn, trong họ có người đứng lên xướng nghĩa phù Lê (Đinh Nhạ Hành ?) việc không thành, theo vua tùng vong sang Tàu, người trong họ sợ Tây sơn đào mộ tổ, bèn bạt mộ phần của ông và hai phu nhân phế g như bình địa. Đến khi trong nước đã yên, người trong họ hoặc già chết, hoặc tránh loạn mới về không thể mo ở chỗ nào nữa, chỉ truyền nói chỗ ấy là « đất cấm » mà thôi. Đến nay nhân đào đất, ngẫu nhiên thấy ba mộ hợp táng mới biết.

2) Theo trong *Ngọc phả* ở « Đình gia Nghĩ ».

3) Xem Tri Tân số 75 ngày 10 Décembre 1942.

4) Thuật theo tài liệu cũ Hoài nam tử đăng trong Tao Đàn số 8 ngày 16 Juin 1939, trang 6 số 684.

5) Chúng tôi chỉ chép 11 đời kể tiếp của các chi kia có đặt nhiều vị làm đến công hầu và có nhiều công lao trong thời trung hưng nhà Lê.

HỒ BA BỂ
là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ
HỒ BA BỂ?
xin mời các bạn hãy thận dư với tác-giả tập du-ký
HỒ BA BỂ
ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai màu.
in tại nhà in Tri-Tân
giá 2$00 một cuốn.
Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi.

MỘT VIỆC ĐÁNG GHI TRÊN TRANG

VĂN-HÓA-SỬ ĐẠI-NAM

NHẬT-NHAM

THƯ-xã Alexandre de Rhodes mới thành-lập trong ít lâu nay mà xem ra đã bước được một bước dài trong công cuộc truyền-bá tư-tưởng Âu-tây sang cõi Viễn-đông.

Vậy xin nói qua về lịch-sử và công việc thư-xã Alexandre de Rhodes để độc-giả nhàn-lãm. Thư-xã Alexandre de Rhodes, lấy tên một vị linh-mục, cố Alexandre de Rhodes, người có công-nghiệp lớn trong việc sáng-tạo ra chữ quốc-ngữ.

Sinh ngày 15 Mars 1591 tại Avignon, cố Alexandre de Rhodes xuất-gia vào tu Giòng Tên, năm 1612. Ngày 29 Mai 1613, đi từ thành Lisbonne sang Ấn-độ, rồi sang Nhật-bản truyền-giáo. Nhưng hồi bấy giờ, tại Nhật-bản, có lệnh cấm truyền-giáo, nên ngài được ủy sang Việt-nam. Ngài truyền giáo có kết quả nên tòa thánh cho phép đặt các chức giám-mục toàn người Pháp.

Sau ngài được cử sang Ba-tư và mất ngày 16 Novembre 1660, hưởng thọ 70 tuổi.

Ngài soạn ra nhiều truyện-ký đều được diễn dịch ra mấy thứ tiếng và xuất-bản quyển tự-vị tiếng Việt-nam, tiếng Bồ-đào-nha và tiếng La-tinh, một quyển sách bằng tiếng Việt-nam dịch âm theo chữ la-tinh xuất-bản trước tên tại nước ta. Vì vậy tên ngài được mãi mãi lưu truyền vì ngài đã góp công vào cuộc phát-minh ra chữ quốc-ngữ.

Chữ quốc-ngữ! Một thứ chữ la-tinh ghi chép tiếng việt-nam. Nhờ có chữ quốc-ngữ, mà văn-chương việt-nam tuy xưa đã sản-xuất ra nhiều tác-phẩm có giá trị, nay phát triển một cách rất mau chóng, ra ngoài cả sự tưởng-tượng. Nhiều tác-phẩm về văn-chương xuất-hiện, những di-sản về văn-chương của tiền-nhân được đem ra phô-diễn, được công-hành trong nước, được phổ-cập khắp nơi, khiến các giới trong xã-hội Việt-nam, già, trẻ, nhớn, bé, đàn ông cũng như đàn bà, ai ai cũng có thể chóng biết một thứ chữ dễ hiểu, dễ học, để trau giồi tinh-thần.

Nhờ có chữ quốc-ngữ, văn-học-giới ta có thể phiên-dịch được nhiều tác-phẩm của tư-tưởng Âu-tây, nhất là tư-tưởng Pháp.

Nhờ có chữ quốc-ngữ, việc học chữ Pháp được dễ-dàng, vì sau khi học quốc ngữ rồi học đến chữ Pháp, có nhiều vần của hai thứ chữ giống nhau.

Cố Alexandre de Rhodes, đã dự vào việc sáng-tạo cho dân-tộc Việt-nam ta một thứ chữ vừa giản-dị, vừa tinh-xảo, có ảnh-hưởng to đến nền văn-chương nước nhà và đến cả các ngành tư-tưởng của ta. Chữ quốc-ngữ làm môi-giới cho hai cái văn-hóa Tây-phương và Đông-phương, mà nhất là giúp ta hiểu thấu cái tinh-thần nước Pháp.

Nói tóm lại, chữ quốc-ngữ có công-dụng là biểu-diễn cái tinh-thần Việt-nam đã có, hiện có, và sẽ có, lại là một lợi-khí để truyền-bá tư-tưởng Âu-tây trên non sông Đại-việt, khiến người Pháp và người Nam có thể hiểu nhau trên con đường văn-hóa, để ngày thêm thân-thiện, để cùng nhau hợp tác trong trường chiến-đấu để đi tới kết quả của cuộc Pháp-Nam phục-hưng.

Như vậy không phải là một sự ngẫu-nhiên mà thư-xã Alexandre de Rhodes ra đời. Mục-đích bênh vực và tô-điểm cho tiếng Việt-nam, thư-xã còn ôm một xa vọng là giúp thêm viên đá vào công cuộc xây dựng lâu-đài Pháp-Nam, làm cho hai dân-tộc Pháp-Nam hiểu thấu lẫn nhau trong khu-vực tinh-thần.

Muốn đạt hai mục-đích ấy, thư xã Alexandre de Rhodes nghĩ ngay đến việc tổ-chức một cuộc thi văn-chương, có nhiều giải-thưởng rất hậu. Những tác-phẩm dự-thi có thể là những bản thảo sáng-tác hay những bản dịch văn-chương ngoại-quốc. Không riêng khuyến-khích những văn-tài chớm nở, thư-xã lại còn dành các giải thưởng cho các nhà văn lành nghề đã được lựa-chọn cẩn-thận. Nam nay, sau khi khóa sổ thi, số tác-phẩm đưa trình hội-đồng điểm-duyệt tuy chưa biết giá-trị, vì kết quả chưa công-bố, nhưng đã cho ta biết là những giải thưởng của thư-xã Alexandre de Rhodes đã

làm cho thiếu-niên ta phấn-khởi trên đường trứ-thuật. Mà biết đâu, nhờ có các cuộc thi ấy, những tài ba lỗi-lạc chẳng được phô-bày mà khỏi bị chìm đắm trong thời gian?

Mở các cuộc thi văn chương không phải là công-việc duy nhất của thư-xã, thư-xã còn nghĩ đến việc in lại tác-phẩm của các nhà văn đã nổi tiếng, như bản dịch *Kim Vân Kiều* ra pháp-văn của ông Nguyễn-văn-Vĩnh; bài diễn-văn *Le paysan tonkinois à travers le parler populaire* của ông Phạm-Quỳnh soạn năm 1928; bản dịch thơ Ngụ-ngôn La Fontaine của ông Nguyễn-văn-Vĩnh; quyển *Trẻ con hát, trẻ con chơi* của ông Nguyễn-văn-Vĩnh; quyển *Lược khảo Việt-ngữ* của ông Lê-văn-Nựu.

Rồi lần lượt còn nhiều tác-phẩm có giá-trị sẽ nhờ thư-xã Alexandre de Rhodes, kế tiếp nhau ra đời, dù là tác-phẩm của các văn nhân hoặc Pháp hoặc Nam, miễn là hợp với tôn-chỉ của thư-xã, một mặt giúp đồng bào ta bênh-vực, tô-điểm cho nền văn-chương Việt-nam, lại làm đẹp, làm giàu cho cái kho quốc-văn vô-giá của ta, một mặt, giúp người Pháp hiểu rõ tiếng việt-nam, hiểu thấu phong-tục dân-tình và tâm-tính dân ta, để đi tới mục-đích Pháp Nam thân-thiện.

Công-cuộc của thư-xã đương tiến-hành là một công-cuộc vĩ-đại. Một công-cuộc hữu-ích như thế làm gì chẳng có kết quả mỹ-mãn. Công việc của thư-xã xếp-đặt rất có quy-củ. Không những cuộc thi văn-chương được các văn-nhân hưởng-ứng một cách sốt-sắng, mà các tác-phẩm của thư-xã đã xuất-bản cũng được công-chúng hoan-nghênh nhiệt-liệt.

Nhưng muốn cho một nền quốc-văn tiến-bộ và phong-phú, cần phải dùng các lực-lượng và phải một thời-gian lâu dài. Công-cuộc thư-xã Alexandre de Rhodes không những cần được hoan-nghênh và ủng-hộ, mà còn cần có nhiều công-cuộc khác kế-tiếp và trợ-lực, mới mong quốc-văn ta có một tương-lai tốt đẹp, rực rỡ!

Xưa đã từng có nhiều cơ-quan văn-học để khuyến-khích kẻ sĩ-phu, hưng-khởi văn vần.

Như về đời vua Lê-Thánh-Tôn (1460-1497), có lập Tao-đàn, vua tự gọi là Tao-đàn Đô-nguyên-súy, hai ông Thân-nhân-Trung và Đỗ-Nhuận làm Phó-nguyên-súy. Tao-đàn có 28 vị, gọi là nhị-thập-bát-tú Phàm những thơ của vua và bảy tôi xướng hoạ đều được phê-bình một cách chân-chính. Tao-đàn bản cả đạo-lý thiên-van. Thời bấy giờ, văn-chương toàn-thịnh, phần nhiều giọng văn điền-thực, nhời thơ thanh-nhã.

Lại gần đây, dưới triều Tự-đức, cũng có Thi-xã tại Kinh-thành để các thi-sĩ trao đổi văn-thơ, gây nên một cái phong-trào văn-học rất mạnh.

Ước-ao sẽ xuất-hiện nhiều cơ-quan văn-học làm nơi hẹn hò của các nhà văn, để trao đổi ý-kiến về văn chương, triết-học, mỹ-thuật, lịch-sử, vân vân.

Chính-phủ đã từng nghĩ đến việc lập một Hàn lâm-viện Việt-nam. Đề-nghị ấy đã đem ra bàn tại Hội-nghị Liên-bang trong một kỳ họp nam ngoái. Đặt một Hàn-lâm-viện Việt-nam không phải là một vấn-đề không cần-thiết và thích-hợp với phong-trào phát-triển văn-chương của hiện-đại.

Trong công cuộc xây dựng nền văn-hoá Việt-nam, phải cần đến sự cố-gắng của tất cả công-chúng hoặc của cá-nhân, của đoàn-thể văn-học hoặc của chính-phủ đứng lên ủng-hộ văn-chương và mỹ-thuật. Trong công-cuộc ấy, thư-xã Alexandre de Rhodes đã đeo ấn tiến-phong.

Thư xã Alexandre de Rhodes, đã hi-sinh trong cuộc kiến-thiết văn-hoá để gây cho dân-tộc Việt nam một tương lai tốt đẹp: thực đáng được ghi tên trên lịch-sử văn-hoá Việt-nam.

NHẬT-NHAM

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH:

Hànội: *Hiệu sách Đông Tây 195 Hàng Bông*
Huế: *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Pétain*
Saigon: *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay:

Sách thuốc Việt-Nam. .	3$50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xứ nóng. .	2 00
Khoa chữa Phổi. . . .	1 00
Khoa chữa mắt. . . .	1 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 0
Sinh lý học.	1

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$9

Hỏi: *M. Nguyễn-xuân Dươ Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.*

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 25

NGUYỄN HUY TƯỞNG

LÀM gì có chuyện lạ ấy !

— Có họa quáng lòa.

— Nếu là anh Mại thì anh ấy phải phá chấn-song vào cứu chúng ta chứ.

— Rõ khờ cả, chờ anh ấy ra thì đâu có sự này.

— Chính anh Nguyễn-Mại, không sai đâu.

Nguyễn-Mại nhảy tới trước chấn-song và gọi to :

— Bảo - Kim đâu ? Trần - Thành đâu ? Đình-Ngiễm đâu ? Vũ-Hoành đâu ? Bá-Hồ đâu ? Tuấn-Giao đâu ? Sĩ-Trực đâu ? Nguyễn-Mại đây, Nguyễn - Mại thân đến cứu anh em đây.

Xích khóa gãy vỡ dưới sức vặn bẻ của người tráng sĩ. Chàng chạy lại chỗ chúng bạn bị xiềng xích, họ cố sức nhỏm dậy mà không sao được. Một vài người ứa lệ vì vui mừng, Bảo-Kim phều phào hỏi :

— Anh vào đây cách nào ? Sao lại vào đây ?

— Chỉ để cứu các chú. Nhưng đã mệt, đừng nói chuyện nữa. Về nhà hãy nói chuyện.

Chàng lần lượt tháo hết xích cho anh em. Khi tháo song thì gà đã gáy bên tai, nhưng cơn mưa vẫn còn tầm tã. Nguyễn-Mại phải đi tìm cho mỗi người một cái gậy tre. Thấy Nguyễn-Mại, cả bọn thêm bội phần hang-hái, họ cố đem sức thừa ra khỏi nhà giam. Mại cầm kiếm, nắm tay tên Kiên bắt đi dẫn đường. Bảo-Kim khẩn-khoản xin Nguyễn-Mại nhân thể cứu quận chúa Quỳnh-Ngọc. Mại đáp :

- Chưa phải việc cần vả cũng ông có lý gì tôi cứu Quận chúa cả. Bảo-Kim cãi :

— Sao lại không có lý ? Ta không n để Quận-chúa thành một người ạc - mệnh.

— Không nên làm một việc gì hấp-tấp cả. Bây giờ tôi chỉ biết có các chú Mọi người hãy về nhà đã, cho các cụ yên tâm. Rồi muốn gì thì gì . . .

Ra khỏi phủ Đặng-Lân, Nguyễn-Mại quay lại bảo Đào-văn-Kiên :

— Đáng lẽ thì ta giết mi, nhưng mi đã lấy công chuộc tội, khiến ta cứu được bạn ta, vậy ta tha phúc cho mi. Lúc nãy ta đã hứa xong việc sẽ thưởng công cho mi, quân-tử không nói đùa. Đây, mi cầm lấy.

Chàng trao một thoi bạc cho tên vô-lại và nói tiếp :

— Ở đây thì mi cũng chết, ta khuyên mi nên đi đâu, kiếm việc làm ăn lương-thiện thì hơn.

Tên vô lại dạ. Nguyễn - Mại dẫn mọi người đi. Lúc ấy vừa gặp bọn lính tuần mà chàng đã dặn đến chờ ở gần đấy. Chàng sai chúng cõng bọn Bảo-Kim đi. Khi Nguyễn-Mại về đến nha thì trời vừa sáng bạch.

Tin bọn anh em Bảo-Kim trốn thoát náo-động cả phủ Đặng-Lân. Mọi người hớt-hơ hớt-hoảng. Khi Bùi-Đăng lên báo cho Cậu Trời biết, hắn gầm lên như một con thú dữ. Hắn thét lấy kiếm, rồi chạy xuống nhà giam. Hỏi đến Đào-văn-Kiên thì tên này đã trốn, hỏi đến lũ gian-nhân nằm canh, chúng nói hồ đồ không ra manh-mối gì. Đặng-Lân rít lên :

— Thế thì chúng bay giết tao, chúng bay giết tao, lũ toi cơm, đồ chó chết !

Lân đàm chết mấy tên, còn những tên khác đứa thì què, đứa thì sứt đầu cụt tay, rẫy-rụa trong nhà giam, kêu khóc thảm-thiết. Khi đã mệt nhoài, Lân trở về phòng riêng. Một người đàn bà đến trình hắn về bệnh-thế Quận-chúa. hắn quát lên rầm-rĩ ;

— Cho nó chết, của nợ ấy thì để làm gì. Tao cấm không cho nó uống thuốc nữa. Cho nó chết. chỉ những ốm cùng yếu Vì nó mà tao, không giết bọn thằng Kim. Nó đã không thiết gì đến tao, thì cho nó chết.

Khi người đàn bà giảng-giải, khuyên hắn nên giữ mồm giữ miệng, thì hắn điên tiết, đánh đập người đàn bà một cách tàn-nhẫn, và thốt nên những nhời bất kính đối với chúa Tĩnh Đô.

Nỗi giận của Đặng-Lân không vì những sự phát-biểu dã-man ấy mà nguội đi, trái lại nó cứ âm-ỷ đốt cháy lòng hắn.

Từ xưa đến nay, phủ hắn vẫn là một nơi bí-mật, cách biệt với người ngoài. Hắn vẫn yên trí rằng đây là một nơi bất khả xâm phạm. Đặng-Lân càng nghĩ càng tức, Thấy Bùi Đăng lên hầu, Lân hất hàm hỏi :

— Có bắt được thằng Kiên không ?

— Thưa cậu không.

— Sao lại không ? Lân gầm lên khiến cho Bùi Đăng phải lùi lại vì kinh-sợ.

— Thưa cậu, nó trốn mất rồi. Con đã sai người đi tróc - nã. Con vẫn

Nhà in **TRI-TÂN** *95-97 phố Chanceaulme Hanoi* có nhận làm cả các công việc lặt-vặt, Các bạn ở Hảiphong có cần hỏi điều gì xin cứ đến :

M. Nguyễn-văn-Thành, số nhà 9 bis phố A. Courbet Haiphong.

đồ rằng thằng Kiên không bao giờ có bụng dạ nào phản cậu, nay con có đủ chứng cớ để minh oan cho nó.

— Dù nó oan mà bắt được nó, tao cũng giết. Chứng-cớ đâu.

— Cậu còn nhớ con An, thằng Kiên mới bắt về tháng trước hầu cậu.

— À phải, cái con lúc chúng bay dẫn đến trình ta ở đồng Hoàng-mai, hãy còn sống sinh mặc áo cô dâu có phải không? Con ấy hay, sao giờ nay, không đem nó lên hầu?

— Bẩm cậu, có lẽ thằng Kiên nó giữ làm của riêng. Hiện con An bị trói ở chỗ nhà chơi ngoài vườn, con đã dẫn lên hầu cậu.

Hai tên gia-nhân dẫn Thị An vào. Đặng-Lân hỏi:

— Ai trói mày con kia?

Thị-An kể hết đầu đuôi câu chuyện, rồi tiếp:

— Thưa cậu, ba người tráng-sĩ một người đeo kiếm, hai người giắt dao, đều mặc quần áo đen chẽn. Người đeo kiếm tự xưng là quan Hộ-thành binh-mã sứ...

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Cao-đẳng tiểu-học...

(Tiếp theo trang 11)

Phụ-lục

Chương-trình khoa hán-văn từ lớp 6 đến lớp 1 trung-học cổ-điển Á-đông

Lớp 6

1·) Học Quốc văn tân khoa bản hay Tân-quốc-văn của Tàu;

2·) Nửa năm sau, học Nam sử (thí-dụ: Việt sử tân-ước của Hoàng đạo-Thành);

3·) Học mẹo chữ hán;

4·) Dịch bài trong Quốc-văn tân khóa bản hay Tân-quốc-văn;

5·) Tập viết và đặt câu ngắn.

Lớp 5

1·) Học Quốc-văn Tân khoa bản hay Tân-quốc văn và Ấu học hán-tự Tân-thư của Dương-Lam và Đoàn-Triển in tại Hanoi từ đầu thế kỷ 20;

2·) Học Nam-sử (Việt sử tân-ước);

3·) Đọc bài trong Công dư tiệp-ký của Vũ-phương-Đề và bài trong Kinh Thi;

4·) Mẹo chữ hán: dùng tự-điển hán-việt và hán pháp;

5·) Tập viết, dịch và đặt câu.

Lớp 4

1·) Học Quốc văn tân khóa-bản hay Tân quốc-văn và Ấu học hán tự tân-thư;

2·) Học bài trong Bắc sử tân-biên (sử Tàu tự thượng-cổ đến đời Thanh);

2·) Đọc Công-dư tiệp ký, Tang thương ngẫu-lục của Phạm đình Hồ, Kinh Thi, Tam-quốc-chí, Thoái thực ký văn của Trương quốc Dụng;

4·) Mẹo chữ hán;

5·) Dịch và đặt câu.

Lớp 3

1·) Học Quốc văn Tân khóa bản cao đẳng tiểu-học;

2·) Học Trung-học Việt sử của Nguyễn giáp-Đậu;

3·) Đọc bài trong Tang-thương ngẫu lục, Luận ngữ, Kinh Thi, Cổ-văn, Tam-quốc-chí diễn-nghĩa, Hoàng-Việt xuân thu;

4·) Tự điển của Couvreur; Từ-nguyên;

5·) Dịch và đặt câu; làm bài ngắn ngắn.

Lớp 2

1·) Học Quốc văn tân-khóa bản cao-đẳng tiểu-học;

2·) Học Trung học Việt-sử;

3·) Đọc bài trong Luận ngữ, Mạnh tử, Cổ-văn, Đường thi, Vũ trung tùy bút của Phạm-đình-Hồ, Ức trai thi-tập của Nguyễn Trãi, Tây du-ký; Đọc các bài trích lục văn-chương Tàu và Nam;

4·) Dịch và làm bài; phép làm thơ.

Lớp 1

1·) Học Quốc-văn Tân khóa bản cao đẳng tiểu học;

2·) Học Trung-học Việt-sử;

3·) Đọc những sách năm trước, thêm: Đại học, Thi kinh, Thư-kinh, Cổ văn Hoàng việt văn-tuyển; Đọc Lĩnh-Nam trích quái, và Tây du ký; Đọc cả bài trích lục văn chương Tàu và Nam;

4·) Làm bài.

(Hết)

N. N.

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng:

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thần

do cha Chúc chánh xứ Tựu-Liệt Vạn-điền (Hà-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bấc không rắn lại, ngọn đèn không lụt đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giây nói số 494

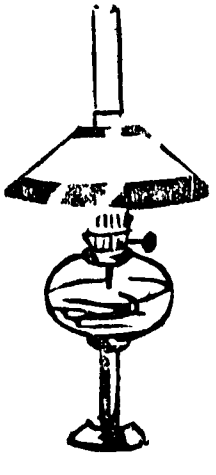

NHỮNG SÁCH CỦA THƯ-XÃ
ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT BẢN

1. — KIM-VÂN-KIỀU, tome I (hết)
2. — THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC-KHẢO VIỆT-NGỮ
của Lê-văn-Nựu *Giá 0$50*
4. — **LE PAYSAN TONKINOIS**
à travers le parler populaire
của PHẠM-QUỲNH
80 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại La 5$00
5.— **TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI**
của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập khổ lớn 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 2 màu.
Bản thường 0$50 — Bản giấy Đại La 5$00

SẮP XUẤT BẢN

6. — **Kim Vân Kiều tome II** (trọn bộ)
bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
460 trang khổ 17×23
có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bản thường 3$00 — Bản giấy Vergé bouffant *8$50*
Tổng phát-hành : **Mai-Lĩnh**
21 Rue des Pipes — Hanoi.

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ
KIM VÂN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục.*

Giá 2$40

VĂN HÒA
29, Maréchal Pétain — Huế

ĐÃ CÓ BÁN :

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

Những thành-ngữ và từ-ngữ của ta trong các thơ văn cổ kim đều định nghĩa rõ ràng dẫn chứng cẩn thận rất tiện tra cứu *trong khi đọc sách* và *nhất cho các học sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC
Sách khổ rộng 16 × 25 Giá... 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi - HANOI
51, Doumer — HAIPHONG

Mua buôn xin viết thư thương-lượng.

« Loại sách văn hóa »

Mới có bán *2$20*

ĐỜI SỐNG THÁI CỔ

QUYỂN II

HÀN-THUYÊN *trong bộ « Lịch sử thế giới »*
71, Tiên - Tsin, của Nguyễn-đức-Quỳnh
HANOI

ĐÃ XUẤT BẢN

NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ
của *Nguyễn bách-Khoa 1$80*

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI
của *Nguyễn-đức-Quỳnh 1$80*

ÓC KHOA HỌC
của *Phạm ngọc Khuê 2$20*

Mua một cuốn giả tiền trước, thêm 0p.40 cước đảm bảo.

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur Gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi